

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương Mại Thế Giới (WTO), đó là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp Việt Nam, dù cơ hội đó có giúp doanh nghiệp hoạt động tốt hay không tốt thì đi liền với nó luôn là một mức rủi ro nhất định. Theo Báo cáo rủi ro kinh tế 2007 – Diễn đàn kinh tế thế giới thì “Chưa bao giờ nền kinh tế toàn cầu lại tăng như thời điểm này nhưng cũng chưa bao giờ thế giới lại đầy rủi ro như lúc này”. Quả đúng như vậy, trong nền kinh tế đầy biến động như hiện nay, việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là không thể tránh khỏi, và đó cũng là nguy cơ mà doanh nghiệp phải đối mặt từng ngày. “ Một bài học mà một người quản lí doanh nghiệp phải nhớ nằm lòng mỗi khi thức dậy, đó là doanh nghiệp mình đã có những cái gì và chưa có những cái gì? Làm thế nào để có thêm những cái đã có và lấy được những cái chưa có.....”(trích lời của Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch kiêm giám đốc công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng).

Như vậy, thì bằng cách nào để phát huy được “những cái mình đã có”, đồng thời làm thế nào để “lấy được những cái mình chưa có”, đây không phải câu hỏi khó, nhưng lại là một câu hỏi không dễ trả lời và là một bài toán lớn đối với mỗi doanh nghiệp.

Như đã nói ở trên, cơ hội đến với mỗi doanh nghiệp luôn có hai mặt của nó, một mặt góp phần đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp nếu thành công, mặt khác cũng mang lại cho doanh nghiệp nhiều rủi ro nếu thất bại. Tuy nhiên, một quy luật chung có thể nhìn thấy đó là mức độ rủi ro gặp phải trong cơ hội càng cao thì mức sinh lợi càng lớn. Để nắm chắc phần thắng trong tay, Doanh nghiệp có thể căn cứ vào đòn bẩy để đánh giá mức độ rủi ro và đồng thời điều chỉnh các yếu tố liên quan để gia tăng tỷ suất sinh lợi.

Nhìn lại tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2009, ta thấy, rõ ràng tuy ít nhiều chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế chung, nhưng công ty vẫn duy trì được sản lượng, giá bán có giảm nhưng không

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẦY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

đáng kể và vẫn duy trì đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Sang năm 2010, khi nền kinh tế nói chung đã có những dấu hiệu khởi sắc, thì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lại có phần chững lại, doanh thu có tăng, nhưng chi phí cũng tăng cao hơn, lợi nhuận mà công ty đạt được tăng lên không đáng kể so với năm 2009. Vậy lí do vì sao??? Câu trả lời sẽ được nêu ra nếu ta có thể phân tích các tỷ số đòn bẩy một cách chính xác. Bởi vì bằng các kết quả thu được qua việc tính toán các tỷ số này, ta có thể phản ánh một cách đầy đủ mức độ rủi ro và tác động đòn bẩy mà công ty phải đối mặt tương ứng với mỗi mức tỷ suất sinh lợi mang về cho công ty.

Đặc biệt, trong năm 2011, công ty sẽ được tiếp nhận thêm vốn đầu tư của kiều bào nước ngoài và có được sự chấp nhận hợp tác của công ty Bông sợi Phú Thành, Nó là bước ngoặt của công ty, giúp công ty lấy lại hiệu quả kinh doanh từ việc giảm chi phí đầu vào... Từ đây, công tác nghiên cứu và phân tích tác động đòn bẩy trở nên rất cần thiết. Nó sẽ cho thấy những vấn đề trong việc sử dụng tài sản và nguồn vốn sao cho hiệu quả nhất, kiểm soát được rủi ro. Đó là lí do em quyết định chọn đề tài “ Phân tích thực trạng sử dụng đòn bẩy và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng.

2. Mục tiêu của đề tài.

- Hệ thống hóa các chỉ tiêu phản ánh thực trạng sử dụng đòn bẩy tại Doanh nghiệp.
- Phân tích thực trạng sử dụng đòn bẩy tại công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng.
- Đưa ra một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính tại công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng.

3. Phạm vi nghiên cứu.

Đề tài tập trung vào việc tìm hiểu và phân tích thực trạng sử dụng đòn bẩy tại công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng trong hai năm trở lại đây. Dựa trên tình hình thực tế cũng như kinh nghiệm của Công ty, đưa ra những biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty.

4. Đối tượng nghiên cứu.

- Báo cáo tài chính của công ty hai năm gần nhất (Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh).

5. Phương pháp và thiết bị nghiên cứu.

Các phương pháp phân tích chủ yếu được sử dụng trong đề tài là: thu thập dữ liệu, phương pháp phân tích thông kê, phương pháp so sánh, phương pháp chuyên gia.

* Thu thập số liệu: thu thập tài liệu về tình hình tài chính và thực trạng sử dụng đòn bẩy tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng

* Phương pháp thống kê: Từ số liệu điều tra được kết hợp với việc nghiên cứu chỉ tiêu giữa các năm, sử dụng phương pháp thống kê để so sánh về số tuyệt đối và số tương đối từ đó đưa ra kết luận về thực trạng sử dụng đòn bẩy tại doanh nghiệp.

6. Thời gian nghiên cứu của đề tài

- Từ tháng 2/2011 đến hết tháng 4/2011 nghiên cứu cơ sở lý luận chung về các loại đòn bẩy sử dụng trong doanh nghiệp.

- Từ ngày 1/3/2011 đến 31/3/2011 nghiên cứu thực trạng sử dụng đòn bẩy tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng

- Từ ngày 18/2/2011 đến 30/4/2011 tiến hành thu thập tài liệu, số liệu và sử lý số liệu về thực trạng sử dụng đòn bẩy tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

- Từ ngày 18/4/2011 đến ngày 20/6/2011 hoàn thiện báo cáo và tiến hành bảo vệ tại bộ môn.

- Cuối tháng 6 hoặc đầu tháng 7 hoàn thiện lại báo cáo và bảo vệ trước hội đồng khoa học nhà trường.

7. Kết cấu đề tài

Bố cục đề tài ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phần tài liệu tham khảo, nội dung bao gồm ba chương:

Chương 1 : Cơ sở lý luận chung về việc sử dụng đòn bẩy trong doanh nghiệp

Chương 2 : Thực trạng sử dụng đòn bẩy tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng

Chương 3 : Một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng

CHƯƠNG I : LÍ LUẬN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐÒN BẦY TẠI DOANH NGHIỆP

Trong lĩnh vực tài chính, thuật ngữ “đòn bẩy” được sử dụng thường xuyên. Cả nhà đầu tư lẫn doanh nghiệp đều sử dụng đòn bẩy nợ để tạo ra tỷ suất sinh lợi trên tài sản hoạt động lớn hơn. Tuy nhiên, việc sử dụng đòn bẩy tài chính không phải lúc nào cũng chắc chắn thành công và khả năng xuất hiện các khoản lỗ cũng tăng lên nếu nhà đầu tư hay doanh nghiệp ở vào một vị thế có tỷ lệ đòn bẩy cao. Doanh nghiệp thường hay sử dụng 2 loại đòn bẩy: đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính, hay sử dụng kết hợp hai loại đòn bẩy này (đòn bẩy tổng hợp) .

1.1 Đòn bẩy hoạt động

1.1.1. Khái niệm chung về đòn bẩy hoạt động sử dụng trong doanh nghiệp.

Đòn bẩy hoạt động (hay đòn bẩy kinh doanh) là việc sử dụng các tài sản có chi phí cố định kinh doanh nhằm hi vọng gia tăng lợi nhuận trước lãi vay và thuế hay tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản ⁽¹⁾.

Đòn bẩy hoạt động liên quan đến kết quả của các cách kết hợp khác nhau giữa chi phí cố định và chi phí biến đổi. Hay nói cách khác đòn bẩy hoạt động là mức độ sử dụng chi phí hoạt động cố định của công ty. Ở đây chúng ta chỉ phân tích trong ngắn hạn bởi vì trong dài hạn tất cả các chi phí đều thay đổi.

Chi phí cố định là chi phí không thay đổi khi số lượng thay đổi. Chi phí cố định có thể kể ra bao gồm các loại chi phí như khấu hao, bảo hiểm, một bộ phận chi phí điện nước và một bộ phận chi phí quản lí.

Chi phí biến đổi là chi phí thay đổi khi sản lượng thay đổi, chẳng hạn chi phí nguyên vật liệu, lao động trực tiếp, một phần chi phí điện nước, hoa hồng bán hàng, một phần chi phí quản lí tài chính.

Trong kinh doanh chúng ta đầu tư chi phí cố định với hi vọng sản lượng tiêu thụ sẽ tạo ra doanh thu đủ lớn để trang trải chi phí cố định và chi phí biến đổi. Giống như chiếc đòn bẩy trong cơ học, sự hiện diện của chi phí cố định gây ra sự

thay đổi trong số lượng tiêu thụ để khuếch đại sự thay đổi lợi nhuận (hoặc lỗ).

1.1.2 Đòn bẩy hoạt động và các chỉ số

1.1.2.1. Độ bẩy hoạt động

Chúng ta thấy rằng dưới tác động của đòn bẩy hoạt động một sự thay đổi trong số lượng hàng bán đưa đến kết quả lợi nhuận (hoặc lỗ) gia tăng với tốc độ lớn hơn. Để đo lường mức độ tác động của đòn bẩy hoạt động chúng ta sử dụng chỉ tiêu độ bẩy hoạt động (DOL) .

DOL là phần trăm thay đổi trong thu nhập (EBIT) chia cho phần trăm thay đổi trong doanh số sản lượng bán hàng.

DOL được xác định bằng công thức sau:

$$DOL \text{ ở mức sản lượng } Q \text{ (doanh thu } S) = \frac{\Delta EBIT / EBIT}{\Delta Q / Q} = \frac{\% \Delta EBIT}{\% \Delta Q}$$

Trong đó :

$\Delta EBIT / EBIT$: % thay đổi lợi nhuận hoạt động

$\Delta Q / Q$: % thay đổi sản lượng hoặc doanh thu

Nhận xét :

+ Độ bẩy hoạt động tiến đến vô cực khi số lượng sản xuất và tiêu thụ tiến dần đến điểm hòa vốn

+ Khi số lượng sản xuất và tiêu thụ càng vượt xa điểm hòa vốn thì độ bẩy sẽ tiến dần đến 1.

Công thức ở trên đây rất cần thiết để định nghĩa và hiểu được độ bẩy hoạt động nhưng rất khó tính toán trên thực tế do khó thu thập được số liệu EBIT. Để dễ dàng tính DOL , chúng ta thực hiện một số biến đổi. Biết rằng lãi gộp bằng doanh thu trừ chi phí , ta có :

$$EBIT = PQ - (VQ + F) = PQ - VQ - F = Q(P - V) - F \quad (1)$$

Công thức (1) dùng để tính độ bẩy hoạt động theo sản lượng Q. Hai công thức chỉ thích hợp đối với những công ty nào sản phẩm có tính đơn chiếc , chẳng hạn như xe hơi hay máy tính. Đối với công ty mà sản phẩm đa dạng và không thể tính thành đơn vị , chúng ta sử dụng chỉ tiêu độ bẩy theo doanh thu.

Công thức độ bẩy theo doanh thu như sau :

$$DOLs = \frac{S - V}{S - V - F} = \frac{EBIT + F}{EBIT} \quad (2)$$

Trong đó : S là doanh thu và V là tổng chi phí biến đổi.

Ý nghĩa : Cứ mỗi phần trăm thay đổi sản lượng tiêu thụ thì lợi nhuận hoạt động thay đổi bao nhiêu phần trăm. Do đó, kể từ điểm hòa vốn nếu sản lượng càng tăng thì độ bẩy càng giảm và ngược lại.

1.1.2.2. Quan hệ giữa độ bẩy hoạt động và rủi ro doanh nghiệp

Rủi ro doanh nghiệp là rủi ro do những phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp khiến cho lợi nhuận giảm. Cần chú ý rằng độ bẩy hoạt động chỉ là một bộ phận của rủi ro doanh nghiệp. Các yếu tố khác của rủi ro doanh nghiệp là sự thay đổi hay sự bất ổn của doanh thu và chi phí sản xuất. Đây là hai yếu tố chính của rủi ro doanh nghiệp, còn đòn bẩy hoạt động khuếch đại sự ảnh hưởng của các yếu tố này lên lợi nhuận hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên bản thân đòn bẩy hoạt động không phải là nguồn gốc của rủi ro, bởi lẽ độ bẩy cao cũng chẳng có ý nghĩa gì cả nếu như doanh thu và cơ cấu chi phí cố định. Do đó, sẽ sai lầm nếu như đồng nghĩa đòn bẩy hoạt động với rủi ro doanh nghiệp, bởi vì cái gốc là sự thay đổi doanh thu và chi phí sản xuất, tuy nhiên, độ bẩy hoạt động có tác dụng khuếch đại sự thay đổi của lợi nhuận, và do đó khuếch đại rủi ro doanh nghiệp.

Từ góc độ này, có thể xem độ bẩy hoạt động như một dạng rủi ro tiềm ẩn, nó chỉ trở thành rủi ro hoạt động khi nào xuất hiện sự biến động doanh thu và chi phí sản xuất.

1.1.3. Vai trò của đòn bẩy hoạt động đối với doanh nghiệp

1.1.3.1. Vai trò

Đòn bẩy hoạt động của một doanh nghiệp có thể nói cho nhà đầu tư biết nhiều điều về doanh nghiệp đó cũng như hồ sơ rủi ro của nó. Mặc dù đòn bẩy hoạt động cao có thể tạo thêm lợi ích cho công ty. Các công ty có sử dụng đòn bẩy kinh doanh cao cũng được xem là có khả năng biến động lớn khi nền kinh tế

có biến động và cũng chịu ảnh hưởng mạnh theo chu kỳ kinh doanh. Và như đã nói ở trên, trong những khoảng thời gian tốt đẹp, một đòn bẩy hoạt động cao có thể giúp tăng lợi nhuận. Nhưng các công ty có các chi phí “cột chặt” trong máy móc, nhà xưởng, nhà đất và hệ thống kênh phân phối sẽ không thể dễ dàng cắt giảm chi phí khi muốn điều chỉnh theo sản lượng. Vì vậy, nếu nền kinh tế có sự sụt giảm mạnh, thu nhập có thể “roi tự do”. Đây là một rủi ro kinh doanh rất đáng để nhà đầu tư lưu tâm.

Trong những thời gian “tốt”, đòn bẩy hoạt động có thể giúp công ty gia tăng tốc độ tăng trưởng lợi nhuận. Nhưng trong những khoảng thời gian “xấu”, nó lại có thể tạo ra một sự sụt giảm lợi nhuận nhanh hơn. Như vậy đòn bẩy kinh doanh của công ty biến động cũng có thể nói cho biết rất nhiều về triển vọng của công ty đó.

1.1.3.2 Ý nghĩa của độ bẩy hoạt động đối với quản trị tài chính

Câu hỏi đặt ra là: Vậy hiểu biết về độ bẩy hoạt động của công ty có lợi ích như thế nào đối với giám đốc tài chính? Là giám đốc tài chính bạn cần biết trước hết sự thay đổi doanh thu sẽ ảnh hưởng thế nào đến lợi nhuận hoạt động. Độ bẩy hoạt động chính là công cụ giúp bạn trả lời câu hỏi này. Đôi khi biết trước độ bẩy hoạt động công ty có thể dễ dàng hơn trong việc quyết định chính sách doanh thu và chi phí của mình. Nhưng nhìn chung công ty không thích hoạt động dưới điều kiện độ bẩy hoạt động cao bởi vì trong tình huống như vậy chỉ cần một sự sụt giảm nhỏ doanh thu cũng dễ dẫn đến lỗ trong hoạt động .

1.2. Đòn bẩy tài chính

1.2.1. Khái niệm chung về đòn bẩy tài chính sử dụng trong doanh nghiệp

Như chúng ta đã biết nguồn vốn rất quan trọng đối với sự sống còn của doanh nghiệp. Để sử dụng nguồn vốn hiệu quả, tránh được rủi ro về tài chính thì doanh nghiệp cần chú ý đến nguồn vốn nợ. Điều này được thể hiện thực tế ở vấn đề sử dụng đòn bẩy tài chính và các hệ số liên quan.

Nguồn vốn của các doanh nghiệp bao gồm nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn vay nợ. Đó là hai kênh tài chính mà tỉ trọng vốn có vai trò rất lớn trong việc

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần đặc biệt quan tâm tới việc quản lý và kiểm soát nguồn vốn vay nợ. Đòn bẩy tài chính là một trong những tiêu chí hàng đầu để doanh nghiệp đưa ra hiệu quả của việc sử dụng vốn vay của mình.

Vậy đòn bẩy tài chính là gì????

Đòn bẩy tài chính là khái niệm chỉ mức độ nợ trong cơ cấu nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ số đòn bẩy tài chính xác định mức độ thành công của công ty khi sử dụng nguồn vốn bên ngoài tăng hiệu quả số vốn tự có đang được sử dụng để tạo ra lợi nhuận.⁽²⁾

Nếu như độ bẩy hoạt động liên quan đến việc sử dụng chi phí cố định trong hoạt động của doanh nghiệp, thì đòn bẩy tài chính lại liên quan đến việc sử dụng các nguồn tài trợ có chi phí cố định (vốn vay, vốn cổ phần, trái phiếu).

Có một điều khác biệt khá rõ giữa đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính là công ty có thể lựa chọn đòn bẩy tài chính trong khi không thể lựa chọn đòn bẩy hoạt động. Đòn bẩy hoạt động do đặc thù ngành quy định, chẳng hạn công ty hoạt động trong ngành hàng không và luyện thép có độ bẩy hoạt động cao trong khi công ty hoạt động trong ngành dịch vụ như tư vấn và du lịch lại có độ bẩy hoạt động thấp. Đòn bẩy tài chính thì khác. Không có doanh nghiệp nào bị ép buộc phải sử dụng nợ và cổ phiếu ưu đãi để tài trợ cho hoạt động của mình mà thay vào đó công ty có thể sử dụng nguồn vốn từ việc phát hành cổ phiếu thường. Thế nhưng trên thực tế ít có công ty nào không sử dụng đòn bẩy tài chính. Vậy lý do gì khiến doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính?

Doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính với hi vọng là sẽ gia tăng được lợi nhuận cho cổ đông thường. Nếu sử dụng phù hợp, công ty có thể sử dụng các nguồn vốn có chi phí cố định, bằng cách phát hành trái phiếu và cổ phiếu ưu đãi, để tạo ra lợi nhuận lớn hơn chi phí trả cho việc huy động vốn có lợi tức cố định. Phần lợi nhuận còn lại sẽ thuộc về cổ đông thường. Điều này được thể hiện rõ hơn khi phân tích mối quan hệ giữa lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT) và lợi nhuận trên cổ phần (EPS).⁽¹⁾

1.2.2. Đòn bẩy tài chính và các chỉ số

1.2.2.1. Các hệ số đặc trưng của đòn bẩy tài chính:

****Tỉ lệ nợ / Vốn chủ sở hữu***

Là hệ số so sánh tài sản của doanh nghiệp qua vốn đầu tư và tài sản do các tổ chức tín dụng cung cấp thông qua các khoản vay. Hệ số này được tính bằng tổng nợ chia cho tổng vốn chủ sở hữu.

Nếu doanh nghiệp nợ nhiều quá, rủi ro xuất hiện có thể làm mất đi vốn của chủ doanh nghiệp và công ty không thể trả được các khoản nợ. Nhưng ngược lại nợ quá ít công ty không có vốn tạo ra được lợi nhuận.

****Tỷ suất lợi nhuận trước lãi vay và thuế (Tỷ suất này còn gọi là khả năng sinh lợi của vốn kinh doanh)***

Tỷ suất này là chỉ tiêu phản ánh mối quan hệ giữa vốn kinh doanh sử dụng với lợi nhuận đồng vốn tạo ra.

EBIT

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế và lãi vay = $\frac{\text{EBIT}}{\text{Vốn kinh doanh sử dụng bình quân trong kì}} * 100\%$

****Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE)***

Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu phản ánh mối quan hệ giữa vốn đầu tư bỏ ra của chủ đầu tư với lợi nhuận đem lại sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp, hay nói một cách ngắn gọn là tỷ lệ hoàn vốn ròng các khoản đầu tư tích lũy của cổ đông công ty.

Tỷ suất lợi nhuận vốn CSH = (Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH bình quân trong kì) * 100%

Cả 3 tỷ suất này có mối liên hệ với nhau thể hiện qua công thức:

Tỷ suất lợi nhuận Vốn CSH (Re) = $[Ra + D/E(Ra-i)] * (1-t)$

Trong đó :

E : vốn chủ sở hữu

D : nợ vay

i: lãi suất tiền vay một năm

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Ra (ROA) : tỷ suất lợi nhuận trước thuế và lãi vay

Re (ROE) : Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu

t: Thuế suất thuế TNDN

Như vậy ta có thể thấy :

Nếu $Ra > i$ và D/E càng lớn thì tỷ suất trước lãi vay và thuế cao hơn lãi suất hiện vay. Công ty đi vay càng nhiều càng có lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong trường hợp này đòn bẩy tài chính khuếch đại tăng tỷ suất vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên cũng ẩn chứa những rủi ro tài chính lớn đối với doanh nghiệp.

Nếu $Ra < i$ và D/E nhỏ thì doanh nghiệp gặp nhiều bất lợi. Doanh nghiệp càng sử dụng nhiều vốn vay, thì tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu càng giảm mạnh so với không sử dụng vốn vay. Trong trường hợp này, đòn bẩy tài chính khuếch đại giảm tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu và rủi ro tài chính tăng cao.

Nếu $Ra = i$ thì tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu trong tất cả các trường hợp: không sử dụng vốn vay, sử dụng vốn vay hoặc ít vốn vay cũng sẽ đều bằng nhau và chỉ có sự khác nhau về mức độ rủi ro.

Hệ số tỷ suất lợi nhuận giúp chúng ta đánh giá khả năng tạo ra lợi nhuận của công ty. Thông qua hệ số này ta có thể so sánh lợi nhuận của công ty dễ dàng hơn tuy thực tế nó chỉ mang tính lí thuyết. Điều này rất hữu ích khi ta lựa chọn cổ phiếu. Hệ số này qua thời gian giúp ta đánh giá sự phát triển của công ty so với trước đây.

– *Khả năng thanh toán lãi vay (Times interest earned ratio)*: chúng ta muốn biết rằng liệu số vốn đi vay có thể sử dụng tốt đến mức nào, có thể đem lại khoản lợi nhuận bao nhiêu và đủ bù đắp lãi vay hay không. Tỷ số này dùng để đo mức độ mà lợi nhuận phát sinh do sử dụng vốn để đảm bảo trả lãi vay như thế nào. Nếu tỷ số này nhỏ hơn 1 hoặc âm, các chủ nợ có thể đi đến kiện tụng và tuyên bố phá sản.

$$\text{Khả năng} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế \& lãi}}{\text{Lãi}}$$

Kết luận: Các chỉ số nợ thể hiện năng lực tiếp nhận các nguồn tài chính từ bên ngoài đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin bảo vệ chủ nợ tình huống doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.⁽¹⁾

1.2.2.2. Khái niệm độ bẫy tài chính và công thức tính

Nếu như đòn bẩy kinh doanh tác động trực tiếp tới lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT), thì đòn bẫy tài chính tác động đến lợi nhuận sau thuế hay tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu. Khi doanh nghiệp đã sử dụng nợ vay tức là doanh nghiệp đã sử dụng đòn bẫy tài chính và lãi vay là một khoản chi phí tài chính cố định, khi đó một sự thay đổi nhỏ của EBIT cũng gây ra tác động làm thay đổi với một tỉ lệ lớn hơn về tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (hay thu nhập trên một cổ phần EPS đối với công ty cổ phần). Như vậy, đối với doanh nghiệp sử dụng đòn bẫy tài chính thì tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu nhạy cảm hơn trước sự biến động của EBIT.

Để đánh giá mức độ tác động của đòn bẫy tài chính đến tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (EPS) người ta sử dụng thước đo được gọi là mức độ tác động của đòn bẫy tài chính hay độ bẫy tài chính (DFL).

Độ bẫy tài chính là tỷ lệ thay đổi của tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (EPS) phát sinh do sự thay đổi của lợi nhuận trước thuế và lãi vay và được xác định theo công thức sau :

$$DFL = (\% \text{ thay đổi trong EPS}) / (\% \text{ thay đổi trong EBIT})$$

Ý nghĩa: DFL là tỷ số đòn bẫy cho thấy ảnh hưởng của một khoản nợ vay xác định đối với thu nhập trên mỗi cổ phần của công ty. Đòn bẫy tài chính liên quan đến việc sử dụng chi phí cố định để tài trợ cho công ty và bao gồm cả những chi phí tăng thêm trước thuế và lãi vay. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, một mức độ đòn bẫy tài chính cao hơn đồng nghĩa là sự dao động trong EPS cũng tăng tương ứng.

DFL phản ánh khi EBIT tăng lên hay giảm đi 1% thì tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu sẽ tăng lên hay giảm đi bao nhiêu phần trăm.

Từ công thức trên ta có thể biến đổi , rút ra được :

$$DFL = \frac{Q(P - V) - F}{Q(P - V) - F - I}$$

Hoặc

$$DFL = \frac{EBIT}{EBIT - I}$$

Trong đó :

EBIT : Lợi nhuận trước thuế và lãi vay

I : Tiền lãi vay phải trả

Q : sản lượng sản phẩm tiêu thụ

P : Giá bán một sản phẩm

V : Chi phí biến đổi cho một đơn vị sản phẩm

F : Tổng chi phí cố định kinh doanh

Nhận xét : có thể nhận thấy rằng ở mỗi mức EBIT khác nhau thì mức độ tác động của đòn bẩy tài chính cũng khác nhau. Mức độ tác động của đòn bẩy tài chính cũng là một trong những thước đo cho phép đánh giá mức độ rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

Có thể sử dụng mức độ tác động của đòn bẩy tài chính để xác định lại tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu khi có sự thay đổi lợi nhuận trước thuế và lãi vay EBIT theo công thức sau :

$$ROE_1 = ROE_0 + ROE_0(DFL \times T_{EBIT})^{(3)}$$

Trong đó :

ROE₀ : Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu gốc hay ban đầu

ROE₁ : Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu mới hay xác định lại

T_{EBIT} : Tỷ lệ thay đổi lợi nhuận trước lãi vay và thuế

1.2.2.3. Phân tích quan hệ EBIT và EPS

Phân tích EBIT và EPS là phân tích ảnh hưởng của những phương án tài trợ khác nhau đối với lợi nhuận trên cổ phần. Từ sự phân tích này, chúng ta sẽ tìm thấy điểm bàng quan, tức là điểm của EBIT mà ở đó các phương án tài trợ

đều mang lại EPS như nhau.

Khi thay đổi việc sử dụng vốn vay sẽ dẫn đến việc thay đổi thu nhập trên một cổ phần (EPS).

Để minh họa phân tích quan hệ EBIT – EPS , hãy xem xét ví dụ sau đây :

Một công ty cổ phần chuyên sản xuất và kinh doanh sản phẩm A. Công ty dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh :

- Về doanh thu : Dự kiến nếu nền kinh tế phát triển bình thường có thể đạt mức doanh thu thuần 2.000 triệu đồng / năm ; nền kinh tế tăng trưởng nhanh có thể đạt mức 3.000 triệu đồng / năm ; nền kinh tế suy thoái , doanh thu thuần là 1.000 triệu đồng / năm .

- Về chi phí : Chi phí cố định là 400 triệu đồng / năm . Tổng chi phí biến đổi là 60% doanh thu thuần.

- Công ty phải nộp thuế thu nhập với thuế suất 40%.

Để thực hiện kế hoạch trên dự kiến số vốn cho công ty kinh doanh là 2.000 triệu đồng. Công ty xem xét hai phương án huy động vốn :

- Tài trợ 100% bằng vốn cổ phần và nếu như vậy sẽ phát hành 100.000 cổ phiếu phổ thông.

- Tài trợ 50% bằng vốn cổ phần và 50% bằng vốn vay, như vậy phải phát hành 50.000 cổ phần phổ thông và vay vốn 1.000 triệu đồng với lãi suất vay vốn là 12% /năm.

Như vậy, phương án một huy động vốn công ty không sử dụng đòn bẩy tài chính ; phương án hai công ty sử dụng đòn bẩy tài chính. Sau đây sẽ xem xét tác động của đòn bẩy tài chính đến thu nhập một cổ phần của công ty.

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Biểu : Thu nhập một cổ phần của công ty

Đơn vị tính : triệu đồng

	Nền kinh tế suy thoái	Nền kinh tế bình thường	Nền kinh tế tăng trưởng nhanh
I. Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)			
1. Doanh thu thuần	1000	2000	3000
2. Tổng chi phí cố định kinh doanh	400	400	400
3. Tổng chi phí biến đổi	600	1200	1800
4. Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	1000	1600	2200
5. Lợi nhuận trước thuế và lãi vay	0	400	800
II. Trường hợp không sử dụng vốn vay			
1. EBIT	0	400	800
2. Lãi tiền vay	0	0	0
3. Lợi nhuận trước thuế	0	400	800
4. Thuế thu nhập	0	160	320
5. Lợi nhuận sau thuế	0	240	480
6. Thu nhập một cổ phần (EPS)	0	0,0024	0,0048
III. Trường hợp sử dụng vốn vay 50%			
1. EBIT	0	280	800
2. Lãi tiền vay (12%)	120	120	120
3. Lợi nhuận trước thuế	(120)	280	680
4. Thuế thu nhập (40%)	(48)	112	272
5. Lợi nhuận sau thuế	(72)	168	408
6. Thu nhập một cổ phần (EPS)	(0,00144)	0,00336	0,00816

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Qua bảng trên cho thấy , trong điều kiện bình thường công ty đạt được tỉ suất sinh lời kinh tế của tài sản (ROA) lớn hơn lãi suất tiền vay , thì việc sử dụng đòn bẩy tài chính đã làm gia tăng thu nhập một cổ phần. Mặc dù cả hai trường hợp: không vay vốn và vay vốn đều có EBIT giống nhau. Khi nền kinh tế tăng trưởng nhanh, công ty đạt được EBIT cao hơn, việc sử dụng đòn bẩy tài chính đã làm cho EPS của công ty có tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều so với trường hợp không vay vốn. Nhưng ngược lại nếu EBIT giảm sút, việc sử dụng đòn bẩy tài chính sẽ làm cho EPS giảm sút nhanh hơn và nếu công ty bị thua lỗ thì cổ đông sẽ phải gánh chịu sự thua lỗ nặng nề hơn so với trường hợp công ty không sử dụng vốn vay.

Điểm cân bằng lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Điểm bàng quan)

Nhìn chung, với cách thức tài trợ hoàn toàn bằng vốn cổ phần và cách thức tài trợ có sử dụng vốn vay, mặc dù EBIT đạt được ở mức như nhau, nhưng EPS (hay tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu) có sự khác nhau. Tuy vậy có thể tìm được một mức EBIT mà khi đạt được mức lợi nhuận này đều đưa đến một EPS là như nhau cho dù có sự khác nhau về cách tài trợ nêu trên, đó là điểm cân bằng lợi nhuận trước thuế và lãi vay.

Vậy, điểm cân bằng EBIT là một mức lợi nhuận trước lãi vay và thuế mà với mức lợi nhuận đó đạt được sẽ đưa lại thu nhập một cổ phần là như nhau dù cho tài trợ bằng vốn vay hay tài trợ bằng vốn vay hay tài trợ bằng cổ phần thường. Có thể tìm được điểm cân bằng EBIT bằng cách giải phương trình sau :

$$\frac{(EBIT_1 - I_1)(1 - t)}{SH_1} = \frac{(EBIT_1 - I_2)(1 - t)}{SH_2}$$

Trong đó :

$EBIT_1$: Điểm cân bằng lợi nhuận trước thuế và lãi vay

I_1 : Lãi vay phải trả nếu tài trợ bằng phương án thứ nhất

I_2 : Lãi vay phải trả nếu tài trợ bằng phương án thứ hai

t : Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

SH_1 : Số cổ phần phổ thông lưu hành , nếu tài trợ bằng phương án thứ nhất

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

SH₂ : Số cổ phần phổ thông lưu hành , nếu tài trợ bằng phương án thứ hai

Với ví dụ ở trên có thể tìm thấy điểm cân bằng EBIT của công ty như sau :

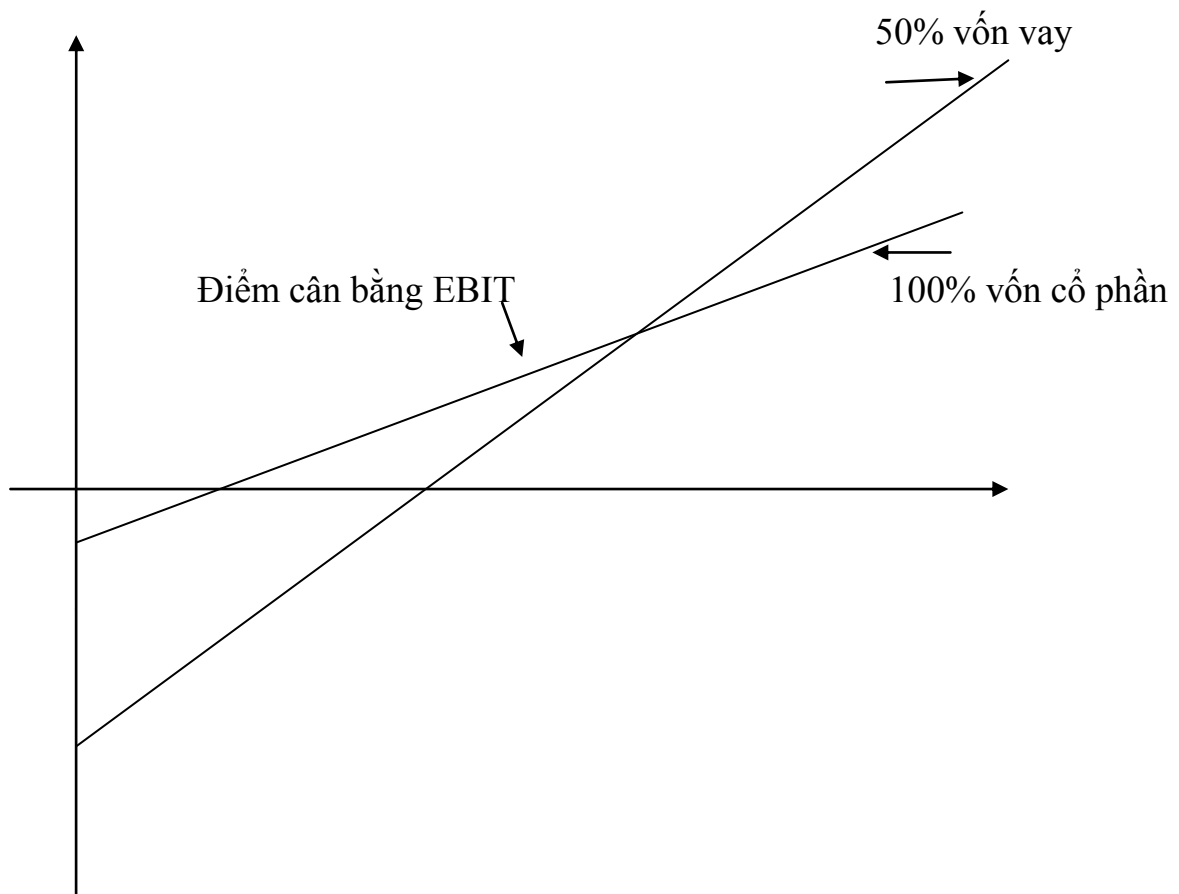
$$\frac{(EBIT_1 - I_1)(1 - 0,4)}{100.000} = \frac{(EBIT_1 - 120.000.000)(1 - 0,4)}{50.000}$$

$$EBIT_1 \times 0,6 \times 50.000 = (EBIT_1 - 120.000) \times 0,6 \times 100.000$$

$$30.000EBIT_1 = 60.000EBIT_1 - 7.200.000.000.000$$

$$EBIT_1 = 240.000.000 \text{ đồng}$$

Như vậy cả hai phương án tài trợ đều mang lại EPS = 1.440đ / CP, có thể thấy điểm cân bằng qua đồ thị sau



Nhận xét : Xem xét điểm cân bằng lợi nhuận trước thuế và lãi vay cũng là một trong những căn cứ giúp cho doanh nghiệp lựa chọn phương án tài trợ có lợi hơn. Nếu lợi nhuận trước thuế và lãi vay đạt được thấp hơn điểm cân bằng EBIT thì phương thức tài trợ bằng cổ phiếu phổ thông đưa lại lợi nhuận một cổ phần cao hơn so với phương án tài trợ có sử dụng vốn vay, nhưng nếu EBIT đạt được vượt cao hơn điểm cân bằng EBIT thì sử dụng tài trợ có sử dụng vốn vay sẽ

mang lại thu nhập một cổ phần cao hơn phương án tài trợ bằng cổ phiếu phổ thông. Việc xem xét điểm cân bằng EBIT có thể mở rộng xem xét phương án tài trợ bằng vốn vay với mức độ sử dụng đòn bẩy khác nhau hay các phương án tài trợ khác.⁽¹⁾

1.2.3. Vai trò của đòn bẩy tài chính đối với doanh nghiệp

Đòn bẩy tài chính xuất hiện khi công ty quyết định tài trợ cho phần lớn tài sản của mình bằng nợ vay. Các công ty chỉ làm điều này khi nhu cầu vốn cho đầu tư của doanh nghiệp khá cao mà vốn chủ sở hữu không đủ để tài trợ. Khoản nợ vay của công ty sẽ trở thành khoản nợ phải trả, lãi vay được tính dựa trên số nợ gốc này. Một doanh nghiệp chỉ sử dụng nợ khi nó có thể tin chắc rằng tỷ suất sinh lợi trên tài sản cao hơn lãi suất vay nợ.

Xét về bản chất, hoạt động sử dụng đòn bẩy tài chính có thể hiểu là việc sử dụng vốn vay (thay vì vốn tự có) để đầu tư sinh lời và được tính trên số vốn vay/tổng tài sản. Đúng trên quan điểm như vậy, đòn bẩy tài chính có thể được thực hiện trên cả góc độ đầu tư vào các tài sản (chứng khoán, vàng, bất động sản) và góc độ doanh nghiệp (sử dụng vốn vay để tăng cường hiệu quả hoạt động của mình).

Tác động của đòn bẩy tài chính đến chi phí sử dụng vốn và giá cổ phần ⁽²⁾

Khi sử dụng vốn vay, tức là doanh nghiệp đã sử dụng đòn bẩy tài chính, lãi vay phải trả được coi là một khoản chi phí hợp lý và được trừ vào phần thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp. Khoản tiết kiệm thuế đã khiến cho chi phí sử dụng vốn vay thấp hơn so với các nguồn tài trợ khác. Dường như việc sử dụng đòn bẩy tài chính sẽ làm cho chi phí sử dụng vốn bình quân của doanh nghiệp giảm đi. Tuy nhiên, tác động của đòn bẩy tài chính đến đến chi phí sử dụng vốn bình quân của doanh nghiệp không hoàn toàn đơn giản như vậy.

Khi bắt đầu sử dụng đòn bẩy, do tác động của việc tiết kiệm thuế từ sử dụng vốn vay đã làm cho chi phí sử dụng vốn bình quân của công ty giảm. Nếu như các yếu tố khác như nhau, một sự gia tăng sử dụng đòn bẩy tài chính sẽ kéo theo rủi ro tài chính tăng thêm. Các nhà đầu tư cung cấp vốn cho công ty sẽ xem xét

mức độ rủi ro này để ấn định tỷ suất sinh lời mà họ đòi hỏi.

Khi doanh nghiệp gia tăng sử dụng nợ thì rủi ro tài chính cũng tăng cao, do đó, các nhà đầu tư sẽ gia tăng tỷ suất sinh lời đòi hỏi. Mặc dù vậy, trong giai đoạn đầu gia tăng sử dụng nợ, hiệu ứng tiết kiệm do sử dụng vốn vay vẫn lớn hơn sự gia tăng của tỷ suất sinh lời đòi hỏi của nhà đầu tư, kết quả là chi phí sử dụng vốn bình quân của công ty vẫn tiếp tục giảm xuống. Tuy nhiên, khi sử dụng đòn bẩy tài chính vượt qua một giới hạn nào đó, nguy cơ mất khả năng thanh toán của công ty tăng cao, rủi ro tài chính tăng mạnh, các nhà cho vay sẽ đòi hỏi một lãi suất cao hơn, các nhà đầu tư khác cũng cung cấp vốn dưới hình thức cổ phần phổ thông, vốn cổ phần ưu đãi cũng yêu cầu một tỷ suất sinh lời cao vọt lên, và khi đó, chi phí sử dụng vốn bình quân của công ty sẽ tăng.

Đòn bẩy tài chính cũng tác động rất lớn tới giá cổ phiếu của công ty trên thị trường. Việc tác động đó cũng không đơn giản, một chiều.

Sử dụng đòn bẩy tài chính trong một mức độ nhất định sẽ làm cho chi phí sử dụng vốn bình quân của doanh nghiệp giảm thấp, đồng thời gia tăng được thu nhập trên một cổ phần, với các điều kiện khác không thay đổi, khi đó các nhà đầu tư sẽ lạc quan trước triển vọng của công ty và xu hướng giá cổ phiếu của công ty sẽ tăng lên. Tuy nhiên nếu sử dụng đòn bẩy tài chính quá một giới hạn nhất định sẽ làm cho chi phí sử dụng vốn bình quân của công ty tăng lên đồng thời rủi ro tài chính cũng tăng cao, khi đó giá cổ phiếu của công ty cũng sẽ giảm đi. Ngay cả khi EBIT của công ty trước triển vọng lạc quan với EBIT dự kiến đạt được vượt qua điểm hòa vốn EBIT nhưng nếu sử dụng đòn bẩy tài chính quá mức, rủi ro tài chính sẽ tăng quá cao, khi đó các nhà đầu tư trên thị trường sẽ nhận biết được mặc dù tỷ suất sinh lời của công ty tăng lên nhưng không đủ bù đắp được rủi ro tài chính tăng lên và các nhà đầu tư sẽ phản ứng lại bằng cách ấn định một hệ số P/E thấp và sẽ dẫn đến giá cổ phiếu của công ty sẽ sụt giảm dù cho thu nhập trên một cổ phần của công ty có tăng lên.

Tác động đòn bẩy tài chính đến lợi nhuận và rủi ro.⁽²⁾

Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (Return on total assets ratio – ROA): chỉ

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

tiêu này đo lường khả năng sinh lợi trên 1 đồng vốn đầu tư vào công ty.

$$\text{Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần/ vốn chủ sở hữu (Return on equity ratio – ROE): đây là chỉ tiêu mà nhà đầu tư rất quan tâm vì nó cho thấy khả năng tạo lãi của 1 đồng vốn họ bỏ ra để đầu tư vào công ty.

$$\text{Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn cổ phần}}$$

Sự khác nhau giữa tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản và tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần là do công ty có sử dụng nợ. Nếu công ty không có nợ thì hai tỷ số này sẽ bằng nhau.

❖ Tác động nợ vay lên tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần thể hiện qua việc so sánh giữa tỷ suất doanh lợi chung và lãi suất vay nợ. Sự chênh lệch giữa tỷ lệ lợi nhuận đạt được và chi phí sử dụng vốn vay giúp doanh nghiệp biết được khả năng chi trả lãi vay để có thể đưa ra quyết định tài trợ từ nợ vay hợp lý, quyết định này tác động lên tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần như thế nào? Đây là vấn đề rất được cổ đông quan tâm.

Gọi NV: nợ vay, i : lãi suất vay, VC: vốn chủ, TS: tổng tài sản (bằng vốn cổ phần và nợ vay).

Công ty đầu tư tổng tài sản bằng vốn cổ phần thì toàn bộ lợi nhuận hoạt động sẽ thuộc về cổ đông. Nếu đầu tư tổng tài sản bằng cả vốn chủ lẫn vốn vay thì lợi nhuận hoạt động sẽ trừ đi chi phí lãi vay trước khi cổ đông nhận được lợi nhuận của mình.

Khi tỷ suất sinh lợi chung lớn hơn lãi suất cho vay:

$$\begin{aligned} \frac{EBIT}{TS} &> i \\ \Rightarrow \frac{EBIT(TS - VCP)}{TS} - NV.i &> 0 \\ \Rightarrow EBIT - NV.i &> \frac{EBIT.VCP}{TS} \\ \Rightarrow \frac{EBIT - NV.i}{VCP} &> \frac{EBIT}{TS} > i \end{aligned}$$

Ngược lại, khi tỷ suất sinh lợi chung nhỏ hơn lãi suất cho vay thì:

$$\begin{aligned}\frac{EBIT}{TS} &< i \\ \Rightarrow \frac{EBIT(TS - VCP)}{TS} - NV.i &< 0 \\ \Rightarrow EBIT - NV.i &< \frac{EBIT.VCP}{TS} \\ \Rightarrow \frac{EBIT - NV.i}{VCP} &< \frac{EBIT}{TS} < i\end{aligned}$$

=> Kết luận: Đòn cân nợ có tiềm năng làm tăng tỷ suất doanh lợi trên vốn cổ phần nhưng đồng thời cũng đem lại cho vốn cổ phần một nguy cơ rất lớn: nếu tỷ suất doanh lợi chung cao hơn lãi suất vay nợ, thì tỷ suất doanh lợi trên vốn cổ phần sẽ trở nên cao hơn. Trái lại, nếu tỷ suất doanh lợi chung thấp hơn lãi suất vay nợ, tỷ suất doanh lợi trên vốn cổ phần sẽ trở nên thấp hơn cả chi phí trả lãi vay.

1.3.Đòn bẫy tổng hợp

1.3.1. Khái niệm chung về đòn bẫy tổng hợp sử dụng trong doanh nghiệp

Trong thực tế, các doanh nghiệp không chỉ sử dụng đơn thuần một đòn bẫy hoạt động hay đòn bẫy tài chính, mà thường sử dụng kết hợp hai đòn bẫy trong nỗ lực gia tăng tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu hay thu nhập cho cổ đông. Khi đòn bẫy tài chính được sử dụng kết hợp với đòn bẫy hoạt động tạo ra đòn bẫy tổng hợp.

Như vậy đòn bẫy tổng hợp là việc doanh nghiệp sử dụng kết hợp cả chi phí hoạt động và chi phí tài trợ cố định. Khi sử dụng kết hợp, đòn bẫy tài chính và đòn bẫy hoạt động có tác động đến EPS khi số lượng tiêu thụ thay đổi qua hai bước. Bước thứ nhất, số lượng tiêu thụ thay đổi làm thay đổi EBIT (tác động của đòn bẫy hoạt động). Bước thứ hai, EBIT thay đổi làm thay đổi EPS (tác động của đòn bẫy tài chính).⁽¹⁾

1.3.2 Độ bẫy tổng hợp

Để đo lường mức độ biến đổi của EPS khi số lượng tiêu thụ thay đổi người ta dùng chỉ tiêu mức độ tác động của đòn bẫy tổng hợp (hay độ bẫy tổng hợp – DTL)

Độ bẩy tổng hợp DTL được xác định theo công thức:

$$\mathbf{DTL = DOL \times DF}$$

Tỷ lệ thay đổi của tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (hoặc EPS)

$$\text{Vậy DTL} = \frac{\text{Tỷ lệ thay đổi của tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (hoặc EPS)}}{\text{Tỷ lệ thay đổi của doanh thu tiêu thụ hay sản lượng tiêu thụ}}$$

Tỷ lệ thay đổi của doanh thu tiêu thụ hay sản lượng tiêu thụ

Do đó, độ bẩy tổng hợp phản ánh tỷ lệ thay đổi của tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (hoặc EPS) khi doanh thu tiêu thụ hay sản lượng tiêu thụ có sự thay đổi. Đây là kết quả tác động kết hợp của đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính đến tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu và rủi ro của doanh nghiệp.

Qua mức độ tác động của độ bẩy tổng hợp cho biết khi doanh thu tiêu thụ tăng lên hoặc giảm đi 1% thì tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (hoặc EPS) tăng lên hoặc giảm đi bao nhiêu phần trăm.

Độ bẩy tổng hợp còn có thể được xác định bằng công thức sau :

$$\text{DTL} = \frac{Q(P - V)}{Q(P - V) - F - I}$$

Như vậy, ở mỗi mức doanh thu hay sản lượng tiêu thụ khác nhau thì mức độ tác động của đòn bẩy tổng hợp cũng khác nhau. Mức độ tác động của đòn bẩy tổng hợp cũng là một thước đo cho phép đánh giá mức độ rủi ro tổng thể của doanh nghiệp bao hàm rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính.

1.3.3 Vai trò của đòn bẩy tổng hợp đối với doanh nghiệp

Vấn đề quan trọng khi xem xét đòn bẩy tổng hợp đối với nhà quản trị tài chính doanh nghiệp là cần phải sử dụng phối hợp hai loại đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính để sao cho gia tăng được tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (hay EPS) đồng thời phải đảm bảo sự an toàn tài chính cho doanh nghiệp.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẦY TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

2.1. Khái quát về Công ty TNHH SX & KD Mút xốp Việt Thắng

2.1.1. Đôi nét chung về công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng.

Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng được hình thành dựa trên cơ sở chuyển đổi từ công ty tư nhân theo giấy phép hoạt động số 0202004475/GP - TLDN ngày 1/7/2007 của UBND Thành Phố Hải Phòng , hoạt động theo luật doanh nghiệp .

Tên công ty viết Bằng tiếng việt : công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Mút xốp Việt Thắng

Viết tắt : (Công Ty TNHH SX&KD Mút xốp Việt Thắng)

Tên công ty viết bằng tiếng anh : Việt Thắng P.U Foam Mattress

Tên công ty giao dịch : Viet thang Co,Ltd

Logo

:



Địa chỉ giao dịch: Số 80 Quang Trung - Hồng Bàng - Hải Phòng

Địa Chỉ nhà máy sản xuất: Tổ 3 Thị trấn An Dương - Huyện An Dương - TP Hải Phòng

MST: 0200727017

Website : <http://www.vietthangpu.vn>

Điện Thoại : 0313.914251 Fax : 0313.914250

Email : vietthangpu@vnn.vn hoặc : vietthang_mattess@yahoo.com

Vốn điều lệ : 19,000,000,000 VND

(có con dấu giao dịch riêng mang tên Công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng)

Người đại diện theo pháp luật của công ty

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Chức Danh : Chủ tịch kiêm Giám đốc

Họ Tên : Nguyễn Văn Hải -Giới tính : Nam

Sinh ngày : 17/06/1958 Dân tộc : kinh Quốc tịch : Việt Nam

CMND : 030871616

Nơi cấp : Công An Thành Phố Hải Phòng

Lịch sử hình thành và phát triển

Từ năm đến năm	Nội dung đánh dấu	Số Lượng nhân sự
1990	Thành lập xưởng sản xuất mút và gia công với quy mô rất nhỏ	20
1995	Chính thức thành lập xưởng mút Trường Thành chuyên sản xuất mút cho ngành nội thất và cho thể thao.	80
2000	Thành lập doanh nghiệp tư nhân mút xốp Việt Thắng , chuyên sản xuất mút và đệm lò so cao cấp	250
Tháng 2/2007	Chuyển đổi thành công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng và đăng kí thêm 1 số ngành nghề kinh doanh khác.	450

Nhận xét : Việt Thắng là công ty được thành lập sớm với ngành nghề kinh doanh khác biệt nhiều so với các ngành khác , số lượng công nhân tăng trưởng nhanh chứng tỏ quy mô sản xuất phát triển khá nhanh , nhờ vậy mà công ty đã đứng vững và tăng trưởng liên tục.

2.1.2. Lĩnh vực Kinh Doanh chủ yếu

SX & KD đệm mút xốp các loại như : Đệm Bông ép , đệm mút , đệm lò xo , đệm cao cấp SMI , đệm gấp.....

Công ty đã sản xuất và cung ứng ra thị trường những sản phẩm chất lượng cao , phong phú về chủng loại , phong phú về màu sắc văn hoa .

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẦY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

*Đệm Lò so SMI 5 sao



Sản phẩm đệm giường lò xo phòng ngủ nhập ngoại, có kết cấu kiểu lò xo túi phù hợp với cấu trúc cơ thể, tạo cảm giác thoải mái nhất cho giấc ngủ

*Đệm lò so 4 sao :



2.1.3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu nhân sự

2.1.3.1: Mô hình cơ cấu tổ chức quản lí

Tổ chức quản lí của công ty theo mô hình : chủ tịch kiêm giám đốc công ty và bộ máy giúp việc.

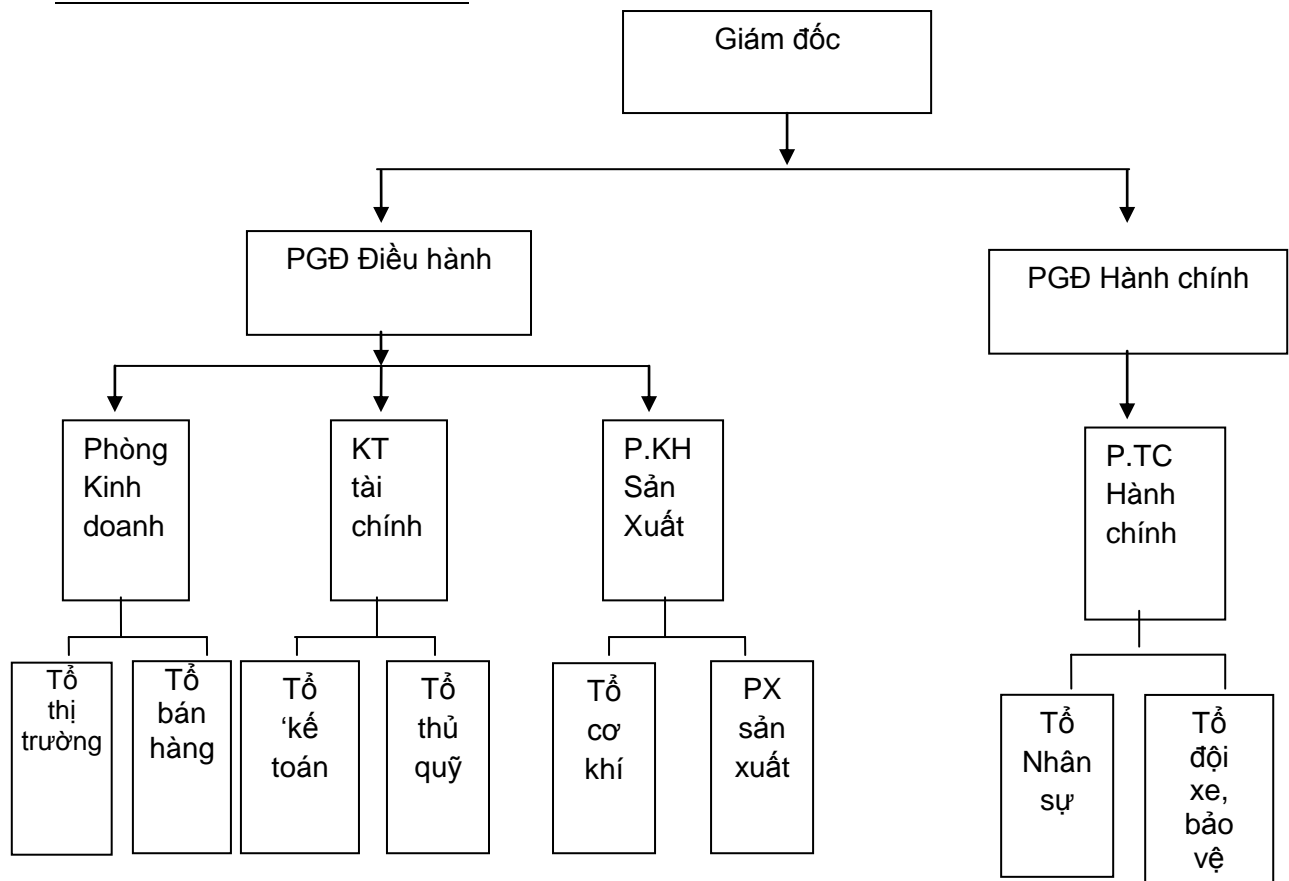
Ban lãnh đạo gồm 3 người : Chủ tịch kiêm giám đốc công ty và 2 phó giám đốc công ty (trong đó 1 phó giám đốc điều hành và một phó giám đốc hành chính)

Các phòng ban trong công ty :

- Phòng kinh doanh
- phòng kế hoạch sản xuất
- Phòng kế toán tài chính
- Phòng tổ chức hành chính



4.2 : Sơ đồ cơ cấu tổ chức :



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

***Chức danh giám đốc:**

- Là đại diện pháp nhân của công ty, là người đứng đầu ,chịu trách nhiệm trước HĐQT và các cơ quan hữu quan về bảo toàn và phát triển vốn được giao về kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Xây dựng và điều hành hệ thống chất lượng theo yêu cầu của khách hàng ,cải tiến không ngừng nâng cao chất lượng phù hợp và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Xây dựng và củng cố chính sách mục tiêu chất lượng của công ty,đảm bảo quán triệt đầy đủ cho mỗi cán bộ công nhân viên trong toàn công ty ,phân bố,bố trí các nguồn lực cần thiết đảm bảo hệ thống QLCL của công ty hoạt động ổn định,hiệu quả.Phân công cụ thể các trách nhiệm và quyền hạn tới từng vị trí trong công ty.

- Xây dựng chiến lược phát triển ,kế hoạch dài hạn và hàng năm, chương trình hoạt động ,các phương án bảo vệ và khai thác tiềm năng của công ty,các dự án mới,đầu tư chuyên sâu,liên doanh liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước.

Quyền hạn:

- Ra quyết định và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn công ty.

- Phê duyệt các văn bản trong hệ thống quản lí chất lượng

- Phê duyệt và kiểm soát toàn bộ các chi phí trong toàn công ty

- Kí kết các hợp đồng kinh tế ,hóa đơn bán hàng

- Là chủ tịch hội đồng khen thưởng,ki luật của công ty,ra các quyết định khen thưởng hay kỉ luật.

***Chức danh Phó giám đốc:**

Báo cáo : Giám đốc công ty

Trách nhiệm:

- Nghiên cứu , đề xuất với GD các giải pháp sản xuất,kinh doanh,củng cố

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐỒN BẦY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

hoàn thiện các mặt quản lí SXKD và phát triển doanh nghiệp.

- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch liên quan tới công tác hành chính quản trị.
- Chịu trách nhiệm về các hoạt động điều hành tại xưởng sản xuất, bao gồm: các hoạt động sản xuất, bán hàng, các hoạt động vận chuyển, bảo hành sản phẩm.
- Phụ trách các bộ phận: Điều hành phòng phát triển kinh doanh, phòng hành chính kế toán, kho hàng, vận chuyển lắp đặt, bộ phận sửa chữa bảo hành.
- Chịu trách nhiệm báo cáo hàng ngày về kế hoạch sản xuất, bán hàng, doanh thu bán hàng cho giám đốc.
- Chịu trách nhiệm xử lí các khiếu nại về sản phẩm đối với khách hàng.
- Chịu trách nhiệm thiết lập các kế hoạch đào tạo kỹ thuật cho công nhân.
- Bảo đảm hệ thống chất lượng tại công ty được thiết lập hoạt động và duy trì thường xuyên.
- Tập hợp các báo cáo các nguồn lực cần thiết cho hệ thống chất lượng.

Quyền hạn

- Được quyền phân công công việc và nhiệm vụ cho nhân viên thuộc bộ phận sản xuất kinh doanh.
- Được quyền ra quyết định tạm dừng việc giao hàng, hoặc có quyền ra quyết định đổi sản phẩm thay thế cho khách hàng khi phát hiện ra sản phẩm lỗi hoặc các sự việc có ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm hoặc dịch vụ.
- Được quyền kiểm tra và là người quyết định cuối cùng đối với sản phẩm trước khi giao cho khách hàng.
- Được quyền chỉ đạo, kiểm tra công tác chế độ tiền lương, chính sách đối với lao động đang làm việc tại công ty.
- Chỉ đạo, kiểm tra công tác bảo vệ quân sự, thi đua khen thưởng, kỉ luật.
- Chỉ đạo kiểm tra công tác kế toán và các quyền hạn khác do giám đốc chỉ đạo.

***Phòng hành chính nhân sự**

Báo cáo: Giám đốc, Phó giám đốc công ty

Trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm quản lý nhân sự toàn công ty, lập kế hoạch tuyển dụng nhân viên văn phòng, công nhân sản xuất.
- Lập kế hoạch đào tạo công nhân mới và nâng cao tay nghề cho công nhân, hỏi thăm, động viên kịp thời cho các CBCNV khi có các việc hiếu, hi, ốm đau.
- Chịu trách nhiệm ban hành các quy trình, quy phạm, nội quy an toàn lao động, PCCN
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm.

***Phòng Kế toán-tài chính:**

Báo cáo : giám đốc, phó giám đốc công ty

Trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, hoàn thành các thủ tục về hành chính và giao dịch với ngân hàng, thuế...
- Chịu trách nhiệm theo dõi công nợ của các khách hàng, của nhà cung cấp, các khoản chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tính lương cho công nhân, thu thập tất cả các hóa đơn VAT, viết hóa đơn VAT.

***Phòng kế hoạch sản xuất**

Báo cáo : Giám đốc, phó giám đốc công ty

Trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm trước GD công ty về tình hình sản xuất.
- Chịu trách nhiệm đôn đốc các bộ phận sản xuất đúng tiến độ đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đã quy định, chất lượng sản phẩm.
- Lập kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì thiết bị sản xuất đảm bảo thiết bị hoạt động an toàn, hiệu quả.

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

➤ Chịu trách nhiệm đôn đốc các bộ phận sản xuất thực hiện tốt quy trình sản xuất ,quy trình an toàn lao động,an toàn PCCN.

2.1.3.2. Cơ cấu nhân sự

Đóng góp vào sự phát triển của xã hội cũng như của doanh nghiệp thì yếu tố con người là rất quan trọng và không thể thiếu .Có được một cơ cấu lao động hợp lí và trình độ lao động ngày càng được nâng cao là 1 yếu tố thúc đẩy cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

Là một doanh nghiệp sản xuất đệm mút các loại ,vì thế công ty TNHH SX&KD Mút Xốp Việt Thắng có những đặc điểm riêng về lao động so với các ngành nghề kinh doanh khác.

Tình hình lao động của công ty qua 2 năm từ năm 2009 đến 2010 được thể hiện qua bảng sau :

Tình hình lao động của công ty

Năm 2009-2010

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		So sánh 2010/2009	
	Số lượng	Cơ cấu(%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	+/-	+/- (%)
1. Tổng số lao động	390	100	450	100	60	15,38
- Tổng số lao động trực tiếp	318		370		52	
- Tổng số lao động gián tiếp	72		80		08	
2. Trình độ lao động	390	100	450	100	60	15,38
- Cao đẳng, đại học	58		65		07	
- Trung cấp, CN kĩ thuật	262		333		71	
- Phổ thông	70		52		-18	
3. Giới tính	390	100	450	100	60	15,38
- Nam	312		360		48	
- Nữ	78		90		12	

Nhận Xét:

Qua bản phân tích trên ta thấy có sự biến động về số lượng lao động của công nhân năm 2010 so với năm 2009. Số lượng lao động tăng lên 60 người tương đương với tỷ lệ tăng 15.38%. Nguyên nhân tăng chủ yếu là bổ sung đội ngũ trẻ có trình độ học vấn để làm việc cho công ty, sản xuất các mặt hàng theo đơn đặt hàng của đối tác. Tuy nhiên, nếu chỉ căn cứ vào sự biến động của tổng số lượng trong toàn công ty thì chưa thể đánh giá chính xác việc quản lý và sử dụng lao động ở công ty mà cần đi sâu phân tích tình hình lao động theo tính chất công việc, theo trình độ lao động và theo giới tính

- Theo tính chất lao động:

Số lao động của năm sau tăng hơn so với năm trước cụ thể là:

Lao động gián tiếp có xu hướng tăng lên. Năm 2010 tăng 08 người so với năm 2009 hay tăng 12%. Lao động trực tiếp lại tăng 52 người (16,35%)

Tỉ lệ lao động gián tiếp trong tổng lao động ngày càng tăng do công ty ngày càng lớn mạnh cần mở rộng quy mô sản xuất nên cần có bộ máy quản lý đủ năng lực, có tỉ trọng lao động trực tiếp ngày càng tăng chứng tỏ công ty ngày càng nâng cao chất lượng, đồng thời tăng thêm lực lượng trực tiếp để tăng năng xuất lao động, đảm bảo hoạt động có hiệu quả và tạo ra nhiều lợi nhuận cho công ty.

- Theo trình độ lao động :

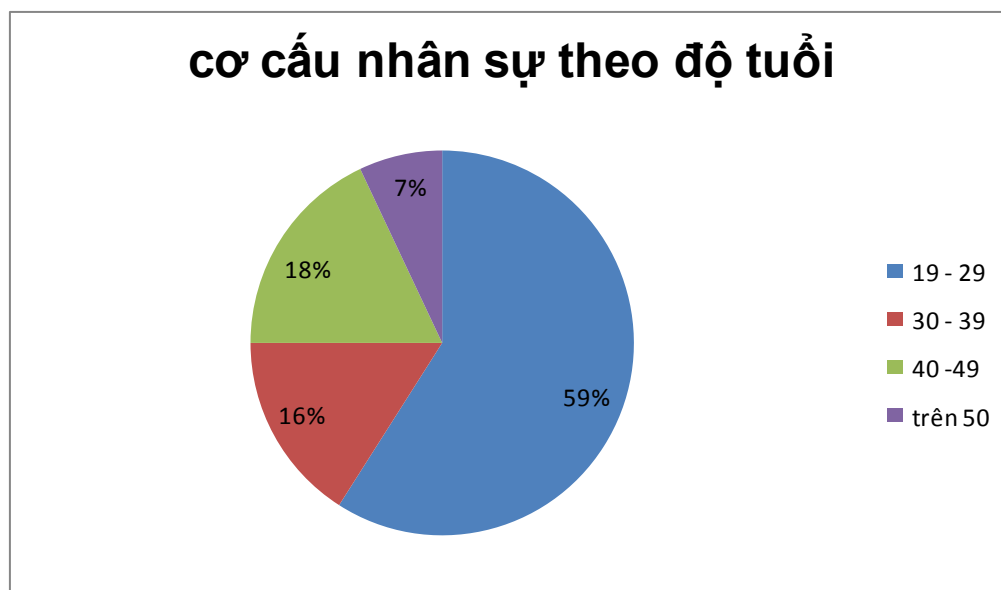
Qua bảng số liệu trên ta thấy người có trình độ cao đẳng, đại học của năm 2010 tăng 7 người (12,07%) so với năm 2009. Trình độ trung cấp, công nhân kĩ thuật đều tăng lên và lao động phổ thông giảm đi. Điều này chứng tỏ công ty đã chú trọng nâng cao trình độ cho cán bộ, công nhân trong công ty.

- Theo giới tính :

Do đặc thù về ngành nghề kinh doanh nên đòi hỏi lao động không chỉ có trình độ tay nghề mà còn phải nhanh nhẹn, có sức khỏe tốt để đáp ứng nhu cầu công việc nên lao động của công ty phần lớn là nam giới. Năm 2010 cả lao động nam và nữ đều tăng (nam tăng 48 người, nữ tăng 12 người).

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẢY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

- Theo độ tuổi :



2.1.4. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Bảng tình hình sản xuất của công ty trong những năm gần đây :

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Số lượng sản phẩm					
	-đệm lò so	Chiếc	13.895	14.076	19.891	36.793
	-đệm mút	Chiếc	8.683	7.923	9.545	5.115
	-đệm gấp	Chiếc	3.309	3.896	2.246	5.884
	-mút trần	Chiếc	223.765	386.378	623.453	1.953
2	Tổng số lao động	Người	325	358	390	450
3	Doanh thu	Đồng	14.882.728.989	17.515.289.705	24.465.890.027	61.197.658.568
4	Thu nộp NSNN	Đồng	245.895.478	278.485.026	690.778.584	2.117.293.801
5	LN sau thuế	Đồng	310.698.276	358.305.098	2.072.335.752	6.351.881.402
6	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng/ng/tháng	1.379.200	1.463.580	2.478.000	2.870.000

Nhận xét :

Tổng lợi nhuận của năm 2010 so với năm 2009 là 15.706.060.866VNĐ

Với sự quản lí chi phí chặt chẽ đã làm cho giá thành sản phẩm giảm là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận của công ty tăng cao.

Nhằm đáp ứng mục tiêu mở rộng sản xuất, tăng sản lượng nên năm 2010 công ty đã tăng số lượng công nhân từ 390 lên 450 người.

Lợi nhuận của công ty tăng cao nên đời sống của công nhân trong công ty cũng được đảm bảo và ngày càng được nâng cao. Tổng thu nhập bình quân 1 người năm 2010 tăng gần 400.000 VNĐ (tương đương 13,84% so với năm 2009). Việc này rất có ý nghĩa : một mặt nó đảm bảo đời sống của công nhân , mặt khác nó còn làm cho công nhân thêm tin tưởng vào công ty và cống hiến hết mình cho công ty.

Như vậy có thể thấy tình hình sản xuất kinh doanh của công ty gần đây rất ổn định. Doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước. Đời sống công nhân được đảm bảo, các khoản nộp ngân sách nhà nước tăng. Điều này tạo đà phát triển tương đối tốt cho công ty trong tương lai.

2.1.5. Những thuận lợi và khó khăn của công ty.

Thuận lợi

- Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, có đội ngũ công nhân nhiệt tình trong công việc, đủ sức khỏe, năng lực, trình độ. Công ty đã đầu tư cho đổi mới công nghệ sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân lao động, và cải tạo nhà xưởng để từ đó nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Các sản phẩm của công ty được khách hàng ưa chuộng và tiêu thụ nhanh trên thị trường. Nhà máy đã tạo được uy tín và quan hệ tốt đẹp với các đối tác và bạn hàng.

- Hải Phòng là một trong 5 thành phố trực thuộc Trung Ương có vị trí quan trọng về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của vùng Bắc Bộ và cả nước. Là cửa chính ra biển của Việt Nam, là đầu mối giao thông quan trọng. Chính vì vậy có nhiều cơ hội mở ra cho công ty nói riêng và các công ty khác nói chung..

- Giá thành của công ty rất đa dạng và có tính cạnh tranh với các công ty khác trong cùng ngành.

- Dịch vụ bán hàng và chăm sóc khách hàng chu đáo, tận tình. Áp dụng qui

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

trình công nghệ, phương tiện vận tải tiên tiến, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Công ty đang dần tìm được chỗ đứng trên thị trường, doanh thu đã tăng theo từng năm.

Khó Khăn

- Nền tài chính chưa thực sự ổn định, thiếu vốn cho ddaaud tư phát triển, rất khó khăn trong việc huy động vốn đầu tư.

- Công tác chuẩn bị sản xuất: như mặt bằng, vị trí sản xuất chưa được giải quyết tốt do mặt bằng hạn chế.

- Về nhân lực: Do phát triển quá nhanh của các khu công nghiệp nên chưa thể đáp ứng kịp thời, lượng cán bộ điều hành và công nhân đôi khi còn thiếu sót, việc xử lý các vấn đề còn vướng mắc.

- Thị trường toàn cầu biến động bất thường, có thời điểm vật giá tăng mạnh dẫn đến thu nhập thực tế giảm, giá thành nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất tăng..

- Lãi suất cho vay vốn của các ngân hàng năm 2009 cao làm chi phí của Công ty cao nên lợi nhuận thấp.

2.2. Thực trạng sử dụng đòn bẩy tài tại công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng.

2.2.1. Phân tích khái quát tình hình tài chính tại công ty

2.2.1.1. Phân tích tình hình tài chính qua bảng Cân đối kế toán

❖ Phân tích bảng CĐKT theo chiều ngang

Bảng phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều ngang cho biết tình hình biến động tăng giảm của các khoản mục năm sau so với năm trước.

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

➤ *Phân tài sản:*

Bảng 2.1.1: Bảng cân đối kế toán phần tài sản.

ĐVT: Đồng

A	Mã số	TM	năm 2009	năm 2010	Chênh lệch (+/-)	%
Tài sản ngắn hạn (100 =110+120+130+140+150)	100		59.092.920.048	193.404.315.882	134.311.395.834	227,29
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.344.445.502	45.819.318.613	40.474.873.111	757,33
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02				
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.044.246.512	44.040.811.262	17.996.564.750	69,10
IV. Hàng tồn kho	140		27.349.545.534	57.163.638.394	29.814.092.860	109,01
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		354.682.500	561.229.000	206.546.500	58,23
B – Tài sản dài hạn (200= 210+220+240+250+260)	200		4.068.326.598	7.046.730.855	2.978.404.257	73,21
I. Các khoản phải thu dài hạn	210					
II. Tài sản cố định	220		4.068.326.598	7.046.730.855	2.978.404.257	73,21
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12				
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250					
V. Tài sản dài hạn khác	260					
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		63.161.246.646	200.451.046.737	137.289.800.091	217,36

(Nguồn : Phòng tài chính kế toán)

Nhận xét : Qua bảng 2.1 ta thấy được tài sản của công ty đã có sự thay đổi, cụ thể là: tổng tài sản năm 2010 tăng lên 217,36 % so với năm 2009. Điều này chứng tỏ rằng quy mô vốn của công ty đã tăng lên đáng kể. Nguyên nhân là do :

Cấu thành nên tổng tài sản trong công ty bao gồm tài sản ngắn hạn (TSNH) và tài sản dài hạn (TSDH).

- Trong năm 2010, TSNH tăng 40.474.873.111 đồng (tương ứng với tỉ lệ tăng 227,29%) so với năm 2009. TSNH tăng là do tiền và các khoản tương đương tiền tăng, các khoản phải thu ngắn hạn tăng, hàng tồn kho tăng và tài sản

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

ngắn hạn khác tăng. Cụ thể như sau:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền năm 2010 tăng lên 757,33% so với năm 2009. Lượng tiền trong năm tăng nhằm cải thiện khả năng thanh toán nhanh và phục vụ cho kế hoạch kinh doanh trong năm 2011 sắp tới. Trong năm 2011 do giá xăng và giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao nên doanh nghiệp tăng khoản tiền và các khoản tương đương tiền để chủ động hơn trong việc thanh toán.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2010 tăng lên 69,1% so với năm 2009 (từ 26.044.246.512 đồng năm 2009 lên 44.040.811.262 đồng năm 2010). Nguyên nhân chính là do phải thu của khách hàng tăng và trả trước cho người bán tăng. Trong năm 2010, công ty đã áp dụng chính sách khuyến mại “60% trả trước”, tức là nếu khách hàng đặt mua hàng với số lượng lớn, sẽ chỉ phải trả trước 60% tổng giá trị hợp đồng, đây là một trong những nguyên nhân chính làm cho chỉ tiêu phải thu khách hàng tăng. Tuy nhiên, điều này lại chứng tỏ, công ty đang bị khách hàng và các đơn vị khác chiếm dụng vốn, công ty chỉ nên áp dụng chính sách khuyến mại này trong một thời gian nhất định và đối với những khách hàng nhất định, đồng thời phải có những chính sách thu hồi công nợ hợp lý và đi kèm theo đó là chính sách khuyến khích khách hàng trả ngay hoặc trả trong thời gian sớm nhất.

+ Hàng tồn kho tăng 109,01% (từ 27.349.545.534 đồng năm 2009 lên 57.163.638.394 đồng năm 2010). Nguyên nhân là do năm 2010, công ty đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất mới, và tiến hành chạy thử 65% công suất, điều này chưa hẳn đã tốt nếu công ty chưa kí kết thêm được hợp đồng hay tìm kiếm thêm được bạn hàng mới. Bên cạnh những bạn hàng làm ăn lâu năm, thì trong năm 2010, công ty có mở rộng chi nhánh tại các tỉnh Sơn La, Lai Châu, và một số tỉnh miền Trung. Tuy nhiên do lượng hàng bán ra không như dự tính, điều này làm cho hàng tồn kho trong năm 2010 của công ty tăng mạnh. Một vấn đề mà công ty gặp phải đó là khi lượng hàng tồn kho tăng, kéo theo đó sẽ làm phát sinh thêm chi phí như: chi phí lưu kho, lưu bãi, quan trọng hơn là công ty bị ứ đọng vốn, vòng quay hàng tồn kho tăng lên, vòng quay dòng vốn chậm sẽ làm

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

mất đi những cơ hội kinh doanh mới.

+ Tài sản ngắn hạn khác tăng 59,23% trong năm 2010. Điều này phần lớn là do công ty chủ thu hồi được khoản đầu tư ngắn hạn cũ đã phát sinh thêm những khoản phải đầu tư mới như việc tiến hành thay lại các công tơ điện điện tử nhằm tiết kiệm điện sử dụng.

- Về TSDH: do đặc thù kinh doanh của công ty nên TSDH của công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản (công ty chỉ tiến hành sản xuất ở khâu ép, cắt, tạo hình mút xốp và hoàn thiện sản phẩm, công ty chỉ có ba máy cắt, ép, 35 máy may và một dây chuyền khâu, đột tự động). TSDH năm 2010 tăng lên 73,21% so với năm 2009 (từ 4.068.326.598 đồng năm 2009 lên 7.046.730.855 đồng năm 2010), là do tài sản cố định tăng.

+ Như đã nói ở trên, trong năm 2010, công ty tiến hành mua mới và lắp đặt một dây chuyền khâu, đột tự động, đây là nguyên nhân chính làm cho TSCĐ tăng.

➤ Phần nguồn vốn :

Bảng 2.1.2 : Bảng cân đối kế toán phần nguồn vốn.

DVT : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch	
					(+/-)	%
A. Nợ phải trả(300 = 310 + 330)	300		24.393.128.636	53.197.112.458	28.803.983.822	118,08
I. Nợ ngắn hạn	310		9.904.603.647	12.479.993.647	2.575.390.000	26,00
II. Nợ dài hạn	330		14.488.524.989	40.717.118.811	26.228.593.822	181,03
B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		38.768.118.010	147.253.934.279	108.485.816.26	279,83
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	37.933.118.010	146.963.600.262	109.030.482.25	287,43
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		835.000.000	290.334.017	-544.665.983	-65,23
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		63.161.246.646	200.451.046.737	137.289.800.09	217,36

(Nguồn : Phòng tài chính kế toán)

Nhận xét :

Căn cứ vào bảng 2.2, ta thấy tổng nguồn vốn năm 2010 tăng lên 137.289.800.091 đồng (tương ứng với tỉ lệ 217,36%), nguyên nhân là do nợ phải trả tăng và nguồn vốn chủ sở hữu tăng.

Tổng nợ phải trả năm 2010 tăng 118,08% so với năm 2009, trong đó nợ ngắn hạn tăng 26% và nợ dài hạn tăng 181,03%. Nợ ngắn hạn tăng, do công ty vay ngắn hạn ngân hàng. Điều này mang ý nghĩa tích cực rằng công ty sẽ có nguồn vốn bổ sung kịp thời vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng mặt khác, nó lại thể hiện dấu hiệu bất ổn trong tình hình tài chính của công ty. Công ty luôn phải chịu sức ép từ phía người cho vay vì lãi suất cho vay ngắn hạn ngày một tăng cao, kéo theo đó là chi phí trả lãi vay ngày càng lớn. Nợ dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ, do nhu cầu sản xuất kinh doanh nên công ty đã quyết định đi vay vốn dài hạn để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh. Điều này sẽ góp phần làm cho hoạt động kinh doanh của công ty suôn sẻ hơn, Nợ dài hạn một mặt sẽ là lá chắn thuế cho công ty, thêm một điều nữa là thời gian trả nợ dài, sẽ giúp công ty có thời gian quay vòng vốn nhiều hơn. Tuy nhiên, đây là trong điều kiện công ty làm ăn có lãi, lợi nhuận tạo ra có thể trả được lãi vay, còn nếu trong điều kiện công ty làm ăn thua lỗ, lợi nhuận tạo ra không thể đủ để trả lãi, thì việc không thể thanh toán lãi vay và trả nợ vay sẽ là nguy cơ khiến doanh nghiệp đứng trên bờ vực phá sản.

Nguồn vốn chủ sở hữu của công ty đã tăng lên tới 147.253.934.279 đồng vào năm 2010, tăng lên so với năm 2009 là 109.030.482.252 đồng, tương ứng với tỷ lệ 287,43%. Nguyên nhân của việc vốn chủ tăng lên mạnh như vậy là do trong cuộc họp thường kì quý I năm 2010, ban lãnh đạo công ty đã quyết định tăng thêm nguồn vốn góp của mỗi thành viên lên 25% và đồng ý tăng thêm số thành viên góp vốn. Bên cạnh đó, công ty cũng kêu gọi được vốn đầu tư từ việt kiều nước ngoài đổ vào. Điều này là một tín hiệu đáng mừng, nó thể hiện được khả năng độc lập về tài chính của công ty đã tăng lên đáng kể, tạo đà cho sự phát triển bền vững của công ty trong tương lai.

**PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI
THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG**

Bảng 2.3: Bảng cân đối tài sản và nguồn vốn năm 2010.

Tài sản	Nguồn vốn
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn (96,48%) 193.404.315.882 đồng	Nợ ngắn hạn (6,23%) 12.479.993.647 đồng
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn (5,52 %) 7.046.730.855 đồng	Nợ dài hạn (20,31 %) 40.717.118.811 đồng
	Nguồn vốn chủ sở hữu (72,46%) 147.253.934.279 đồng

❖ Phân tích bảng CĐKT theo chiều dọc

Nhìn vào bảng phân tích cân đối kế toán theo chiều ngang, ta chỉ có thể thấy tình hình biến động tăng lên hay giảm xuống giữa các khoản mục của năm sau so với năm tr-ớc mà không thấy đ-ợc mối quan hệ giữa các khoản mục trong tổng tài sản (tổng nguồn vốn). Do đó, ta tiến hành phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều dọc, nghĩa là tất cả các khoản mục (chỉ tiêu) đều đ-ợc so với tổng số tài sản hoặc tổng nguồn vốn, để xác định mối quan hệ tỷ lệ, kết cấu của từng khoản mục trong tổng số. Qua đó ta có thể đánh giá biến động so với quy mô chung, giữa năm sau so với năm tr-ớc.

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Bảng 2.1.3: Bảng phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều dọc

ĐVT : Đồng

- Tài sản:

Chi tiêu	Mã số	năm 2009	Năm 2010	Tỷ lệ % năm 2009	Tỷ lệ % năm 2010
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100	59.092.920.048	193.404.315.882	93,56	96,48
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.344.445.502	45.819.318.613	8,46	22,86
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.819.318.613		22,86
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	26.044.246.512	44.040.811.262	41,23	21,97
IV. Hàng tồn kho	140	27.349.545.534	57.163.638.394	43,30	28,52
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	354.682.500	561.229.000	0,56	0,28
B – Tài sản dài hạn (200= 210+220+240+250+260)	200	4.068.326.598	7.046.730.855	6,44	3,52
II. Tài sản cố định	220	4.068.326.598	7.046.730.855	6,44	3,52
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270	63.161.246.646	200.451.046.737	100	100

(Nguồn : Phòng tài chính kế toán)

Nhận xét :

✓ Tài sản ngắn hạn:

Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn tài sản dài hạn trong tổng tài sản của công ty. Cụ thể năm 2009, tài sản ngắn hạn chiếm 93,56%, tài sản dài hạn chỉ chiếm 6,44% và năm 2010 tỷ lệ này là 96,48% và 3,52%. Do đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, tức là trong quá trình sản xuất không thu mua bông và xốp rời về nén mà sẽ mua mút xốp nguyên khối về để cắt rời tạo hình đệm. Như vậy, sẽ giảm đi được rất nhiều chi phí sản xuất và không cần phải đầu tư để mua các loại máy nén bông và ép mút xốp.

Ta thấy trong tài sản ngắn hạn năm 2009 thì các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng rất cao. Khoản phải thu ngắn hạn năm 2009 là 41,23%, sang tới năm 2010 chiếm 21,97% trong tài sản ngắn hạn. Điều này chứng tỏ công ty đang bị chiếm dụng vốn nhiều và đang có chiều hướng tăng trong năm 2010. Ban lãnh đạo công ty cần quản lý các khoản nợ của khách hàng chặt chẽ hơn.

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Sau các khoản phải thu ngắn hạn thì hàng tồn kho có tỷ trọng cao tiếp theo trong tài sản ngắn hạn. Năm 2009 hàng tồn kho chiếm 43,30 %; năm 2010 là 28,52% trong tổng tài sản. Trị giá hàng tồn kho năm 2010 tăng so với năm 2009 do năm 2010 giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, đồng thời chi phí nhân công cũng tăng lên.

Tiền và các khoản tương đương tiền tăng dần về tỷ trọng. Năm 2009 là 8,46%, sang năm 2010 là 22,86%.

Tài sản ngắn hạn khác có xu hướng giảm về tỷ trọng. Năm 2009 là 0,56 %, năm 2010 giảm xuống là 0,28%.

✓ Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản của công ty. Năm 2009 tài sản dài hạn chiếm 6,44%; năm 2010 tài sản dài hạn chiếm 3,52 %. Tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản giảm 3,92%. Trong đó tài sản cố định tăng 6,44% so với năm 2009 là 3,52%.

- Nguồn vốn:

Bảng 2.1.4 : Phân tích bảng cân đối kế toán phần nguồn vốn theo chiều dọc

Chỉ tiêu	Mã số	TM	năm 2009	năm 2010	tỷ lệ % năm 2009	tỷ lệ % năm 2010
A. Nợ phải trả(300 = 310 + 330)	300		24.393.128.636	53.197.112.458	38,62	26,54
I. Nợ ngắn hạn	310		9.904.603.647	12.479.993.647	15,68	6,23
II. Nợ dài hạn	330		14.488.524.989	40.717.118.811	22,94	20,31
B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		38.768.118.010	147.253.934.279	61,38	73,46
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	37.933.118.010	146.963.600.262	60,06	73,32
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		835.000.000	290.334.017	1,32	0,14
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		63.161.246.646	200.451.046.737	100	100

(Nguồn : Phòng tài chính kế toán)

Nhận xét :

Phân tích cơ cấu nguồn vốn nhằm đánh giá khái quát tình hình phân bổ, huy động và sử dụng các loại vốn và nguồn vốn đảm bảo cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Dựa vào bảng 2.4 ta thấy, Nguồn vốn của công ty năm 2010 đã có sự thay đổi đáng kể, nguyên nhân do nợ phải trả và vốn chủ sở hữu đều tăng lên mạnh. Trong đó vốn chủ sở hữu có tăng lên mạnh (từ 61,38 % năm 2009 lên 73,72% năm 2010) điều này thể hiện tính độc lập về tài chính của công ty đang có xu hướng tăng, đây là một dấu hiệu tích cực. Vốn vay cũng có xu hướng tăng lên đáng kể (chiếm 38,62% năm 2009 và 26,54% năm 2010), vốn vay dài hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn so với vốn vay ngắn hạn (vay dài hạn chiếm 20,31% và vay ngắn hạn chiếm 6,23%). Điều này cho thấy công ty đã chiếm dụng được vốn để bổ sung thêm nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh. Đây là một cơ cấu vốn hợp lí, tuy chưa phải là một cơ cấu vốn lí tưởng, bởi tùy theo từng ngành sản xuất kinh doanh sẽ quy định cơ cấu vốn chủ sở hữu và vốn vay, nhưng nhìn chung thì vốn chủ sở hữu sẽ giao động trong khoảng $\pm 30\%$ trong tổng vốn.

Nguồn kinh phí và quỹ khác giảm từ 1,32% xuống còn 0,14%.

Kết luận chung :

Qua việc phân tích 2 bảng CĐKT theo cả chiều ngang và chiều dọc trên, ta thấy Tài sản và Nguồn vốn của Công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng năm 2010 tăng so với năm 2009, thì sự nỗ lực của ban lãnh đạo trong việc đưa ra các quyết định sản xuất và bổ sung nguồn vốn chủ cũng như quyết định vay vốn đã làm cho nguồn vốn và tài sản của công ty có những sự tăng trưởng vượt bậc cả về chất và về lượng. Các khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng lên là khá tốt để đảm bảo khả năng thanh toán của công ty. Nhưng các khoản phải thu tăng, hàng tồn kho tăng nên công ty cần phải giảm các khoản mục này xuống. Tài sản cố định của công ty còn ít nên công ty nên xem xét để đầu tư thêm các khoản mục tài sản này nhằm đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn.

Công ty có tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản lớn hơn tỷ trọng tài sản

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

ngắn hạn trên tổng tài sản vì thế cần duy trì và tăng tỷ trọng tài sản dài hạn lên để sử dụng vốn một cách hợp lý hơn. Công ty có tỷ trọng nợ phải trả trên tổng vốn là 26,24% trong khi tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng vốn là 73,32% chứng tỏ công ty đã chiếm dụng được vốn của công ty khác.

2.2.1.2. Phân tích tình hình tài chính qua Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.

❖ **Phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều ngang**

Bảng 2.2.1 : Phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều ngang

ĐVT: Đồng

Chi tiêu	Mã số	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch	
				(+/-)	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	24.465.890.027	61.197.658.568	36.731.768.541	150,1
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	346.725.600	953.266.739	606.541.139	174,9
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10	24.119.164.427	60.244.391.829	36.125.227.402	149,8
4. Giá vốn hàng bán	11	15.212.009.655	41.499.083.405	26.287.073.750	172,8
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20	8.907.154.772	18.745.308.424	9.838.153.652	110,5
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13.822.661	14.857.681	1.035.020	7,5
7. Chi phí tài chính	22	1.559.337.109	4.390.366.408	2.831.029.299	181,6
- Trong đó: chi phí lãi vay	23	1.545.771.591,0	3.970.866.443	2.425.094.852	156,9
8. Chi phí bán hàng	24	4.045.693.214	5.001.415.437	955.722.223	23,6
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.011.423.303	1.250.353.859	238.930.556	23,6
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30	2.304.523.807	8.118.030.401	5.813.506.594	252,3
11. Thu nhập khác	31	458.890.529	353.144.801	-105.745.728	-23,0
12. Chi phí khác	32	300.000	2.000.000	1.700.000	566,7
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	458.590.529	351.144.801	-107.445.728	-23,4
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	2.763.114.336	8.469.175.202	5.706.060.866	206,5
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	690.778.584	2.117.293.801	1.426.515.217	206,5
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			0	0,0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	2.072.335.752	6.351.881.402	4.279.545.650	206,5

(Nguồn : Phòng tài chính kế toán)

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Nhận xét :

Qua bảng Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ta thấy Lợi nhuận kế toán trước thuế của công ty năm 2010 tăng lên 5.706.060.866 đồng, tương ứng với tỉ lệ 206,5% so với năm 2009. Do năm 2010 nền kinh tế đã có những dấu hiệu vực dậy sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2009, sản lượng công ty bán ra đã tăng cả về lượng lẫn về giá.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 150,1% so với năm 2009. Nguyên nhân là do trong năm 2010, bên cạnh bán hàng truyền thống, thì công ty cũng đã kí kết thêm được một số hợp đồng mới, mở rộng chi nhánh, tập trung khai thác tại các thị trường Lai Châu, Sơn La, Điện Biên và một số tỉnh miền Trung.

- Các khoản giảm trừ doanh thu trong năm 2010 tăng cao hơn so với năm 2009 174,9%, do một số sản phẩm đệm của công ty khi bán ra bị lỗi, hỏng, hàng bán bị trả lại và phải đền bù chi phí vận chuyển cho bên mua.

- Năm 2010, do ảnh hưởng của yếu tố lạm phát làm cho chi phí đầu vào của các nguyên liệu tăng cao, điều này là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho giá vốn hàng bán tăng 172,8% so với năm 2009,

- Doanh thu hoạt động tài chính cũng tăng 7,5% so với năm 2009, do công ty đã thu được từ việc công ty Phú Thành thuê kho bãi chứa hàng trong vòng 2,5 tháng.

- Chi phí tài chính cũng tăng lên 181,6 % so với năm 2009, sự tăng lên này chủ yếu là do sự tăng lên của chi phí lãi vay. Năm 2010, công ty chấp nhận vay vốn nhiều hơn để đầu tư vào sản xuất kinh doanh, do đó làm cho chi phí lãi vay phải trả tăng lên 2.425.094.852 đồng, tương ứng với tỷ lệ 156,9%.

- So với năm 2009, năm 2010 chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp cũng tăng lên (chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp đều tăng 23,6%). Điều này là một nỗ lực của của công ty trong công tác quản lí bán hàng và quản lí doanh nghiệp trong việc kêu gọi toàn thể công nhân viên thực hiện chính sách tiết kiệm điện, nước, giấy mực văn phò

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Bảng 2.2.2 : Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều dọc

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009	Năm 2010	% so với DT năm 2009	% so với DT năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	24.465.890.027	61.197.658.568	100	100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	346.725.600	953.266.739	1,42	1,56
3. Doanh thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10	24.119.164.427	60.244.391.829	98,58	98,44
4. Giá vốn hàng bán	11	15.212.009.655	41.499.083.405	62,18	67,81
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20	8.907.154.772	18.745.308.424	36,41	30,63
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13.822.661	14.857.681	0,06	0,02
7. Chi phí tài chính	22	1.559.337.109	4.390.366.408	6,37	7,17
- Trong đó:chi phí lãi vay	23	1.545.771.591	3.970.866.443	6,32	6,49
8. Chi phí bán hàng	24	4.045.693.214	5.001.415.437	16,54	8,17
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.011.423.303	1.250.353.859	4,13	2,04
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30	2.304.523.807	8.118.030.401	9,42	13,27
11. Thu nhập khác	31	458.890.529	353.144.801	1,88	0,58
12. Chi phí khác	32	300.000	2.000.000	0,00	0,00
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	458.590.529	351.144.801	1,87	0,57
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	2.763.114.336	8.469.175.202	11,29	13,84
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	690.778.584	2.117.293.801	2,82	3,46
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			0,00	0,00
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	2.072.335.752	6.351.881.402	8,47	10,38
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			0	0

(Nguồn : Phòng tài chính kế toán)

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Theo các thông tin trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh ta thấy để có 100 đồng doanh thu thuần thì trong năm 2009 công ty phải bỏ ra 81,85 đồng tổng chi phí, trong đó chi phí 62,18 đồng giá vốn hàng bán, 16,54 đồng chi phí bán hàng, 4,13 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp. Sang năm 2010 để có 100 đồng doanh thu thuần thì công ty phải bỏ ra 67,81 đồng giá vốn hàng bán; 8,17 đồng chi phí bán hàng, 2,04 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp. Suy ra để có 100 đồng doanh thu thì năm 2010 phải bỏ ra 78,02 đồng tổng chi phí. Như vậy có thể thấy năm 2010 công ty đã chi ít chi phí hơn năm 2009 để thu được 100 đồng doanh thu.

Cứ 100 đồng doanh thu thuần năm 2009 đem lại được 36,41 đồng lợi nhuận gộp và năm 2010 thì chỉ đem lại 30,63 đồng. Như vậy sức sinh lời trên một đồng doanh thu của năm 2010 thấp hơn năm 2009.

Cứ 100 đồng doanh thu thuần thì có 11,29 đồng lợi nhuận trước thuế năm 2009 và 13,84 đồng năm 2010. Điều này chứng tỏ trong kỳ tình hình hoạt động kinh doanh của công ty có khả quan hơn so với năm 2009. Công ty cần phát huy điều này.

Qua bảng phân tích trên ta thấy giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong doanh thu thuần và trong 2 năm, tỷ trọng này chênh lệch khá lớn là 5,63%. Là do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng lên theo xu hướng chung của năm 2010. Giá xăng, giá điện nước đều tăng lên đáng kể.

Kết luận chung : Qua việc phân tích 2 bảng phân tích BCKQKD theo chiều ngang và chiều dọc, ta có thể thấy năm 2010 vừa qua Công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng với sự nỗ lực cố gắng trong sản xuất kinh doanh đã đem lại kết quả khả quan. Cụ thể, Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 tăng so với năm 2009 là 252,3%. Cùng với sự tăng lên của Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thì chi phí quản lý doanh nghiệp, bán hàng của Công ty cũng có xu hướng ổn định, có nghĩa là có tăng, nhưng mức tăng không đáng kể. Lợi nhuận sau thuế năm 2010 của Công ty tăng lên so với năm 2009 là 4.279.545.650 đồng tương ứng tăng 206,6%. Công ty cần phát huy để lợi nhuận năm sau cao hơn nữa.

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

2.2.3. Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán

Bảng 2.2.3 : Phân tích các hệ số về khả năng thanh toán

ĐVT : Đồng

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch	
					(+/-)	%
1	Tổng TS (1)	đồng	63.161.246.64 6	200.451.046.737	137.289.800.09 1	217,36
2	Tổng nợ (2)	đồng	24.393.128.63 6	53.197.112.458	28.803.983.822	118,08
3	TS ngắn hạn (3)	đồng	59.092.920.04 8	193.404.315.882	134.311.395.83 4	227,29
4	Nợ ngắn hạn (4)	đồng	14.488.524.98 9	40.717.118.811	26.228.593.822	181,03
5	Hàng tồn kho (5)	đồng	27.349.545.53 4	57.163.638.394	29.814.092.860	109,01
6	Tiền mặt (6)	đồng	5.344.445.502	45.819.318.613	40.474.873.111	757,33
7	LN trước thuế (7)	đồng	2.763.114.336	8.469.175.202	5.706.060.866	206,51
8	Lãi vay phải trả (8)	đồng	1.545.771.591	3.970.866.443	2.425.094.852	156,89
9	(H1) Hệ số thanh toán TQ (1/2)	lần	2,59	3,76	1,18	45,52
10	(H2) Hệ số thanh toán hiện thời (3/4)	lần	4,08	4,75	0,67	16,46
11	(H3) Hệ số thanh toán nhanh (3-5)/(4)	lần	2,19	3,35	1,16	52,72
12	(H4) Hệ số thanh toán tức thời (6/4)	lần	0,37	1,13	0,76	205,07
13	(H5) Hệ số thanh toán lãi vay (7+8)/(8)	lần	2,79	3,13	0,35	12,39

(Nguồn : Phòng tài chính - kế toán)

Nhận xét :

- Hệ số thanh toán tổng quát H1:

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

Chỉ tiêu này cho biết cho biết cứ 1 đồng vay nợ có bao nhiêu đồng giá trị tài sản hiện công ty đang quản lý sử dụng để đảm bảo. Qua bảng trên ta thấy H1 của công ty năm 2010 là 3,76 lần, tăng so với năm 2009 là 1,18 lần (tương ứng với tỉ lệ tăng 45,52%). Hai chỉ số này đều lớn hơn một, điều này là tốt, nó chỉ ra

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

rằng các khoản huy động vốn bên ngoài đều có tài sản đảm bảo đảm. Ta thấy H1 của công ty khá cao chứng tỏ khả năng thanh toán của công ty tương đối tốt, tình hình tài chính khá lành mạnh và vững vàng, tuy nhiên điều này cũng thể hiện rằng công ty chưa tận dụng được hết cơ hội chiếm dụng vốn.

- Hệ số thanh toán hiện thời H2 :

$$\text{Hệ số thanh toán tạm thời} = \frac{\text{TSLĐ \& đầu tư ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán tạm thời là mối quan hệ giữa tài sản ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán tạm thời thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản lưu động với nợ ngắn hạn.

Ta thấy hệ số này của công ty khá cao, năm 2009 là 4,08 lần và năm 2010 là 4,75 lần. Điều này có nghĩa là cứ 1 đồng vay nợ sẽ có 4,08 đồng tài sản lưu động đảm bảo vào năm 2009, tương tự như vậy, trong năm 2010, cứ 1 đồng vay nợ sẽ có 4,75 đồng tài sản lưu động đảm bảo. H2 ở cả hai năm đều lớn hơn 2 nhiều (năm 2009 lớn hơn 2,08; và năm 2010 lớn hơn 2,75), điều này không phải là tốt bởi nó thể hiện rằng hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp sẽ kém đi vì đó là hiện tượng ứ đọng vốn lưu động. Biện pháp tốt nhất là phải duy trì tỷ số này theo tiêu chuẩn của ngành (...), Công ty có đặc thù sản xuất kinh doanh riêng và mang tính nhạy cảm cao, đòi hỏi lượng vốn lưu động nhiều, do đó, hệ số thanh toán tạm thời nếu duy trì ở mức trên 2,4 ~ 3 là tốt nhất.

- Hệ số thanh toán nhanh H3:

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Chỉ tiêu này đo lường khả năng thanh toán của doanh nghiệp phản ánh năng lực thanh toán nhanh của doanh nghiệp, không dựa vào việc bán các loại vật tư hàng hoá. Hệ số này năm 2010 đã tăng lên so với năm 2009 1,16 lần (năm 2009 là 2,19 lần, sang năm 2010 hệ số nay là 3,35 lần). Hệ số của cả hai năm đều lớn hơn 2, điều này lại không tốt, vì nó thể hiện tài sản tương đương tiền nhiều, vòng quay vốn chậm làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

- Hệ số thanh toán tức thời H4:

Năm 2010, hệ số này là 1,13, tăng lên so với năm 2009 là 0,76 lần, tương ứng với tỷ lệ 16,46%. Hệ số này tăng là do doanh nghiệp đã gia tăng tiền và các khoản tương đương tiền để chủ động hơn trong việc thanh toán và phục vụ cho các kế hoạch kinh doanh đòi hỏi phải thanh toán ngay.

- Hệ số thanh toán lãi vay H5 :

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{LN trước thuế và lãi vay}}{\text{Lãi vay phải trả trong kì}}$$

Hệ số thanh toán lãi vay H5 của công ty năm 2009 là 2,79 lần và hệ số thanh toán lãi vay của công ty năm 2010 là 3,13 lần. Như vậy hệ số thanh toán lãi vay của công ty năm 2010 so với năm 2009 đã tăng lên đáng kể đáng kể. Cụ thể là hệ số thanh toán lãi vay của năm 2010 so với năm 2009 đã tăng lên 0,35 lần và tương đương là 12,39%. Như đã nói ở trên, trong năm 2010, công ty quyết định vay thêm vốn (cả ngắn hạn và dài hạn) để tăng cường vốn cho hoạt động sản xuất, điều này kéo theo là chi phí vốn vay phải trả trong năm của công ty cũng sẽ tăng lên, nhưng sự gia tăng của lãi vay phải trả (tăng lên 156,89% so với năm 2009) không lớn bằng sự gia tăng của EBIT (tăng lên 206,51%), vì vậy, hệ số khả năng thanh toán lãi vay của công ty vẫn tăng lên.

Kết luận chung : Năm 2010 so với năm 2009 khả năng thanh toán hiện thời và khả năng thanh toán lãi vay của Công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng có tăng và mức tăng cao. Trong đó, khả năng thanh toán hiện thời tăng nhiều nhất, khả năng thanh toán tổng quát tương đối tốt, khả năng thanh toán nhanh của Công ty tương đối tốt . Tuy nhiên, công ty nên xem xét và có những biện pháp nhằm để giảm hệ số thanh toán tạm thời, nhằm giúp cho hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tốt hơn, giảm thiểu tối đa khả năng ứ đọng vốn, có vốn để đầu tư nhiều vào các cơ hội kinh doanh hơn.

2.2.2. Thực trạng sử dụng đòn bẩy tại công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng.

Có thể dễ dàng nhận thấy các số liệu báo cáo tài chính trên chưa lột tả hết được thực trạng sử dụng đòn bẩy của Công ty. Do vậy, các nhà tài chính còn dùng các chỉ số tài chính để giải thích thêm các mối quan hệ tài chính và chỉ ra được thực trạng sử dụng đòn bẩy tại doanh nghiệp. Mỗi một doanh nghiệp ở các thời điểm khác nhau có các chỉ số tài chính khác nhau, thậm chí một doanh nghiệp ở các thời điểm khác nhau cũng có các chỉ số tài chính không giống nhau, do đó có thể ở thời điểm này sử dụng đòn bẩy tài chính, đòn bẩy hoạt động hay đòn bẩy tổng hợp sẽ mang lại hiệu quả, nhưng ở thời điểm khác, thì việc sử dụng các đòn bẩy này lại không phù hợp. Do đó, người ta coi các chỉ số tài chính là những biểu hiện đặc trưng nhất về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, các chỉ số tài chính sẽ phân tích sau đây, sẽ phản ánh chính xác nhất thực trạng sử dụng đòn bẩy tại công ty.

2.2.2.1 Phân tích các tỷ số đòn bẩy tài chính.

Bảng 2.2.2.1.a : Bảng Tỷ lệ nợ trên Vốn chủ sở hữu

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch	%
Tổng nợ	24.393.128.636	53.197.112.45	28.803.983.822	118,08
Tổng tài sản	63.161.246.646	200.451.046.737	137.289.800.091	217,36
Nợ dài hạn	14.488.524.989	40.717.118.811	26.228.593.822	181,03
Vốn chủ sở hữu	38.768.118.010	146.963.600.262	108.195.482.252	279,08
Tỷ số nợ/VCSH	62,92	36,20	-26,72	-42,47
Tỷ số nợ dài hạn/ VCSH	37,37	27,71	-9,67	-25,87
Tỷ số nợ / tổng tài sản	38,62	26,54	-12,08	-31,28

Nhận xét : Qua bảng 2.2.2.1 ta thấy, nhìn chung trong năm 2010, Tỷ số nợ/VCSH, Tỷ số nợ dài hạn/VCSH và tỷ số nợ /tổng tài sản đều có sự thay đổi đáng kể, cụ thể như sau :

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

- Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu năm 2010 đã giảm đi đáng kể so với năm 2009. Năm 2009, tỉ số này là 62,92%; nhưng sang năm 2010, chỉ số này chỉ còn 36,32%. Mức giảm này tương đối lớn. Nguyên nhân là do sự tăng lên của tổng nợ không nhanh bằng sự tăng lên của vốn chủ sở hữu. Điều này thể hiện sự độc lập về khả năng tài chính của công ty đã có sự thay đổi, tăng lên theo chiều hướng tốt. Tuy nhiên, nó cũng thể hiện rằng khả năng chiếm dụng vốn của doanh nghiệp chưa cao, sẽ tạo nên bất lợi cho doanh nghiệp khi cần vốn để luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tỷ lệ nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu : hệ số này năm 2009 là 37,37%, sang năm 2010 là 27,71%. Như đã nói ở trên, vốn vay dài hạn của công ty tăng lên và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn vay. Nguyên nhân của sự gia tăng này là công ty cần một lượng vốn lớn để cải tạo và thay mới hệ thống máy dệt và xây thêm một kho chứa các sản phẩm lỗi, cần sửa chữa. Sự gia tăng của vốn dài hạn, một mặt giúp doanh nghiệp yên tâm hơn trong việc đầu tư xoay vòng vốn, vì thời gian trả nợ lâu và lãi suất thường không thay đổi nhiều; mặt khác là lá chắn thuế an toàn cho doanh nghiệp. Nợ nhiều tạo sức ép vận hành phải đảm bảo lợi nhuận cao hơn lãi suất, đảm bảo điểm rơi lợi nhuận tích lũy đủ thanh toán nợ gốc. Tuy nhiên, đó là trong điều kiện doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, lợi nhuận tạo ra đủ để trả chi phí lãi vay, ngược lại, nếu công ty làm ăn thua lỗ, thì chính khoản lãi vay này lại là gánh nặng của công ty, công ty sẽ phải chịu nhiều sức ép từ việc trả nợ, cả chi phí lãi vay (thời gian vay càng dài thì chi phí lãi vay phát sinh càng lớn) và khoản vay tới hạn cho các nhà cho vay.

- Năm 2010, do sự tăng lên của tổng nợ không lớn bằng sự tăng lên của tổng tài sản, đây là nguyên nhân làm cho Tỷ số nợ / Tổng tài sản của công ty năm 2010 có sự thay đổi đáng kể, đã giảm đi so với năm 2009 là 12,08%.

Bảng 2.2.2.1.b : Bảng thể hiện khả năng thanh toán lãi vay

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
EBIT	2.763.114.336,00	8.469.175.202,00
Lãi vay	1.545.771.591,00	3.970.866.443,00
Khả năng thanh toán lãi vay	1,79 lần	2,13 lần

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Tỷ số khả năng thanh toán lãi vay cho ta biết rằng liệu số vốn đi vay có thể sử dụng tốt đến mức nào, có thể đem lại khoản lợi nhuận bao nhiêu và đủ bù đắp lãi vay hay không. Tỷ số này dùng để đo mức độ mà lợi nhuận phát sinh do sử dụng vốn để đảm bảo trả lãi vay như thế nào. Qua bảng trên ta thấy, khả năng thanh toán lãi vay của công ty có xu hướng tăng lên. Năm 2010 tăng lên 0,34 lần. Nguyên nhân là do tốc độ tăng của EBIT nhiều hơn so với tốc độ tăng của lãi vay. Trong sự phục hồi chung của nền kinh tế, thì việc tỷ số này tăng mang lại cái nhìn khả quan hơn về khả năng kêu gọi đầu tư của doanh nghiệp, điều này làm cho các nhà đầu tư thêm tin tưởng và làm tăng mạnh khả năng đầu tư.

Bảng 2.2.2.1.c : Bảng thể hiện ROA, ROE

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Lợi nhuận ròng	2.072.335.752	6.351.881.401
Tổng tài sản	63.161.246.646	200.451.046.737
Vốn chủ sở hữu	38.768.118.010	147.253.934.279
ROA	3,28	3,17
ROE	5,35	4,31

- Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) : Chỉ tiêu này đo lường khả năng sinh lợi trên 1 đồng vốn đầu tư vào công ty sẽ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ số này năm 2010 giảm đi so với năm 2009 là 0,9 lần. Nguyên nhân là do sự tăng lên của lợi nhuận ròng nhỏ hơn rất nhiều so với sự tăng lên của tổng tài sản. Nếu như tổng tài sản năm 2009 chỉ có 63.161.246.646 đồng, thì năm 2010 con số này tăng lên là 200.451.046.737 đồng; trong khi đó lợi nhuận ròng chỉ tăng 4.27.545.649 đồng. Do đó, tuy lợi nhuận tăng khá nhiều trong năm 2010, nhưng vẫn làm cho ROA nhỏ hơn so với năm 2009. Công ty đang có những nỗ lực để gia tăng tỷ suất ROA này.

- Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ (ROE) : Đây là chỉ tiêu mà nhà đầu tư rất quan tâm vì nó cho thấy một đồng vốn mà họ bỏ ra đầu tư vào công ty sẽ tạo ra

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Dựa vào bảng trên ta thấy, nếu như trong năm 2009 cứ 100 đồng vốn đầu tư vào Công ty sẽ mang lại 5,35 đồng lợi nhuận; thì sang năm 2010 cứ 100 đồng vốn đầu tư vào Công ty chỉ mang lại 4,31 đồng lợi nhuận. Năm 2010, chỉ số ROE của Công ty giảm đi so với năm 2009. Nguyên nhân chính là do sự tăng lên của lợi nhuận ròng không lớn bằng sự tăng lên của vốn chủ. Hòa chung vào với sự vực dậy của nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng có những khởi sắc, Vốn chủ được tăng cường, song do công ty chưa kí kết được thêm nhiều hợp đồng và bán hàng mới, nên lợi nhuận mà công ty tạo ra chưa theo kịp với sự tăng lên mạnh mẽ của vốn chủ.

2.2.2.2. Độ bẩy tài chính (DFL)

Bảng 2.2.2.2. : Bảng tính DFL

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
EBIT	2.763.114.336	8.469.175.202
Lãi vay	1.545.771.591	3.970.866.443
DFL	2,27	1,88

Việc vay nợ làm phát sinh đòn cân nợ của công ty, nó làm thay đổi tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu. Mức vay nợ càng lớn thì đòn cân nợ càng lớn và rủi ro tài chính càng cao. Để xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến đòn cân nợ, sau đây ta sẽ phân tích độ nghiêng đòn bẩy tài chính (độ bẩy tài chính) của công ty qua 2 năm hoạt động.

Độ bẩy tài chính năm 2009 là 2,27 lần. Điều này có nghĩa là mỗi thay đổi 1% trong EBIT từ mức EBIT cơ bản 2.763.114.336 đồng, sẽ đưa đến sự thay đổi 2,27% trong EPS. Hay nói cách khác, một gia tăng 10% trong EBIT sẽ đưa đến một gia tăng 22,7% trong EPS. Tương tự, một sự sụt giảm 10% trong EBIT cũng đưa đến một sự sụt giảm 22,7% trong EPS.

Tương tự như vậy, Độ bẩy tài chính năm 2010 là 1,88 lần. Điều đó có nghĩa, cứ 1% thay đổi trong EBIT từ mức EBIT cơ bản 8.469.175.202 đồng, sẽ đưa đến một sự thay đổi 1,88% trong EPS. Hay nói cách khác, một gia tăng 10%

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

trong EBIT sẽ đưa đến một sự gia tăng 18,8% trong EPS và ngược lại.

Ta thấy EBIT₂₀₁₀ lớn hơn so với EBIT₂₀₀₉, nhưng chi phí lãi vay cũng tăng lên đáng kể nhưng không lớn hơn so với sự gia tăng của EBIT, Điều này cho thấy vốn vay công ty sử dụng chưa thật sự hiệu quả, dẫn tới tỷ suất sinh lời trên vốn chủ giảm. Điều này là nguyên nhân làm cho DFL₂₀₁₀ giảm đi khoảng 39,68%.

Kết luận chung : Đòn bẩy tài chính năm 2010 thấp hơn so với năm 2009. Do sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2009, sang năm 2010 kinh tế thế giới và Việt Nam nói chung có nhiều khởi sắc và tạo được đà phát triển. Ngành nghề mà công ty sản xuất và kinh doanh mang tính đặc thù cao, thị trường trong nước tiêu thụ mạnh mẽ, điều này gây tác động lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy vay nợ nhiều lên nhưng công ty chưa sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay, kết quả là tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu của công ty năm sau thấp hơn so với năm trước.

2.2.2.3. Đòn bẩy hoạt động (DOL)

Bảng 2.2.2.3 : Bảng thể hiện đòn bẩy hoạt động.

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	24.119.164.427	61.197.658.568
Tổng chi phí	22.519.541.865	54.260.512.910
Tổng biến phí	19232116129	50.194.862.867
Tổng định phí	3.287.425.736	4.065.650.042
EBIT	2.763.114.336	8.469.175.202
DOL	2,19	1,48

Độ nghiêng đòn cân định phí (đòn bẩy hoạt động) DOL trong năm 2009 là 2,19, điều đó có nghĩa là 1% biến động tăng lên hay giảm xuống của doanh thu sẽ tác động làm cho EBIT tăng lên hay giảm xuống 2,19%.

Độ nghiêng đòn cân định phí (đòn bẩy hoạt động) DOL trong năm 2010 là

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

1,48, điều đó có nghĩa là 1% biến động tăng lên hay giảm xuống của doanh thu sẽ tác động làm cho EBIT tăng lên hay giảm xuống 1,48%.

Doanh nghiệp có tỷ trọng định phí trong tổng phí lớn thì khi sản lượng tăng thì lợi nhuận sẽ tăng nhiều hơn và ngược lại khi sản lượng giảm. Qua bảng phân tích DOL trong hai năm, ta thấy DOL_{2010} thấp hơn so với DOL_{2009} . Tỷ trọng chi phí cố định tăng lên 1.302.505.706 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 39,62%. Điều này cho thấy mức độ rủi ro trong kinh doanh của công ty năm 2010 lớn hơn so với năm 2009.

Nguyên nhân là do ảnh hưởng của cuộc suy thoái kinh tế làm công ty gặp nhiều khó khăn như biến động lực lượng lao động lớn. Ảnh hưởng yếu tố lạm phát làm cho chi phí nhân viên, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác đều tăng lên Từ đó làm cho chi phí cố định cao.

Kết luận chung : Năm 2009 DOL là 2,19; sang năm 2010, độ bẩy này là 1,48. Ta thấy rõ ràng rằng việc sử dụng đòn bẩy hoạt động là chưa thật sự hiệu quả, độ khuếch đại mà đòn bẩy này tạo ra không nhiều. Công ty nên có những biện pháp thích hợp nhằm tăng doanh thu hay đầu tư thêm tài sản cố định.

2.2.2.4 Đòn bẩy tổng hợp (DTL)

Bảng 2.2.2.4 : Bảng tính DTL

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Độ bẩy hoạt động (1)	2,19	1,48
Độ bẩy tài chính (2)	2,27	1,88
Độ bẩy tổng hợp (1× 2)	4,97	2,79

Nếu đòn cân định phí làm khuếch đại sự thay đổi của EBIT mỗi khi doanh thu thay đổi. Thì đòn cân nợ sẽ ảnh hưởng đến mức lời hoặc lỗ của chủ sở hữu mỗi khi EBIT thay đổi. Sự tác động phối hợp của 2 chỉ số đòn bẩy này đã tạo nên đòn bẩy tổng hợp. Trước tiên đòn cân định phí sẽ tác động lên EBIT. Sau đó đòn cân nợ sẽ tiếp tục tác động lên doanh lợi vốn chủ sở hữu.

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

Độ nghiêng đòn bẩy tổng hợp là tác động số nhân của đòn bẩy kinh doanh DOL và đòn bẩy tài chính DFL. Do đó ta có thể nói độ nghiêng đòn bẩy tổng hợp là chỉ tiêu đánh giá độ nhạy cảm của doanh lợi trên vốn chủ sở hữu đối với sự thay đổi của doanh thu doanh số bán ra. Nó tiêu biểu cho độ phóng đại của gia tăng (hay sụt giảm) doanh thu thành gia tăng (hay sụt giảm) tương đối lớn hơn trong thu nhập trên vốn chủ sở hữu.

Theo bảng tính trên, ta thấy khi doanh thu thay đổi tăng hoặc giảm 1% thì lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu sẽ tăng hoặc giảm 4,97% vào năm 2009 và 2,79% vào năm 2010. Độ bẩy tài chính cao hơn độ bẩy hoạt động, chứng tỏ năm vừa qua, độ bẩy tài chính đóng vai trò quan trọng hơn độ bẩy hoạt động, thể hiện qua sự thay đổi của doanh thu ảnh hưởng đến sự thay đổi của lợi nhuận hoạt động đóng góp phần lớn trong mục tiêu làm tăng EPS.

Mức bẩy tổng hợp trên đã cho thấy sự ảnh hưởng rất lớn của DOL và DFL đến DTL. Nếu ta không có một cơ chế điều chỉnh các nhân tố trong DOL và DFL thì hệ quả là công ty phải đối mặt với một tỷ lệ rủi ro cao hơn rất nhiều. Thông thường, các công ty muốn đạt được một DTL nào đó thì họ có thể thay đổi DOL và DFL sao cho phù hợp với tình hình của mình. Chẳng hạn, khi công ty có DFL khá cao thì họ sẽ điều chỉnh DTL theo mong muốn bằng cách bù trừ sang cho một DOL thấp hơn, tức là cắt giảm bớt các chi phí hoạt động cố định. Hoặc DOL cao thì sẽ điều chỉnh DFL thấp lại bằng cách cắt giảm tỷ lệ nợ... Cách bù trừ như thế này sẽ mang đến cho công ty một mức sinh lời phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro của công ty.

Kết luận chung : Ta thấy đòn bẩy tổng hợp năm 2010 được thực hiện khá tốt, nó cho thấy cứ 1% sản lượng tăng lên sẽ làm cho EBIT tăng lên 2,79%. Trong điều kiện công ty làm ăn tốt, sự khuếch đại này sẽ mang lại một sự tăng lên đáng kể trong EBIT. Nhưng ngược lại, nếu công ty làm ăn không tốt thì chính điều này sẽ làm cho EBIT giảm đi rất nhiều lần so với việc không sử dụng đòn bẩy. Vì vậy để DTL phát huy được hết hiệu quả của nó, Công ty cần phải có những biện pháp thúc đẩy sản lượng tiêu thụ để tăng doanh thu.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

3.1 : Phương hướng phát triển kinh doanh của công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng.

Tuy là một doanh nghiệp sinh sau đẻ muộn với một đặc thù sản xuất kinh doanh riêng biệt, Công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng đã có những bước phát triển mạnh mẽ trong những năm vừa qua. Từ một xưởng sản xuất nhỏ thuộc kinh doanh hộ gia đình, với nguồn vốn ít và lao động thủ công là chính, đến nay công ty đã phát triển và làm ăn tương đối hiệu quả với số vốn lên tới hơn 200 tỷ năm 2010, và dự kiến sẽ tiếp tục phát triển hơn trong tương lai.

Bên cạnh những lợi thế và lĩnh vực sản xuất kinh doanh thì năng lực điều hành hoạt động của ban lãnh đạo kì cựu, giàu kinh nghiệm, đội ngũ nhân viên trẻ, sáng tạo, nhiệt tình và hăng say với công việc là những thế mạnh của công ty. Công ty luôn tâm niệm rằng : Chất lượng sản phẩm hàng hóa và sự phát triển bền vững là sự sống còn của công ty. Chính vì vậy, công ty luôn nỗ lực không ngừng để ngày một hoàn thiện sản phẩm của mình, nâng cao thương hiệu cũng như uy tín của công ty đối với khách hàng, để sản phẩm của công ty “ sẽ nâng niu giấc ngủ của từng người, để cùng họ đi tới những thành công”.

Phương hướng sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm tới là sẽ tăng được mức lợi nhuận lên 20% mỗi năm, duy trì tốc độ tăng trưởng so với ngành là 17%/năm. Bên cạnh đó, công ty cũng sẽ chú trọng hơn trong việc sử dụng các đòn bẩy làm công cụ để gia tăng lợi nhuận, đồng thời xem xét, nghiên cứu để đưa ra những phương hướng kinh doanh mới nhằm mang lại lợi nhuận cao và hạn chế rủi ro kinh doanh gặp phải.

3.2. Một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính tại công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng.

Việc nghiên cứu các biện pháp nhằm nâng cao khả năng tài chính của

doanh nghiệp là rất quan trọng và cần thiết. Nó sẽ đưa ra cho doanh nghiệp những hướng giải quyết nhất định tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Trên cơ sở đó doanh nghiệp nào nắm bắt và áp dụng được một cách linh hoạt sẽ đem lại kết quả kinh doanh cao.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc này, sau khi tìm hiểu, nghiên cứu và tiến hành phân tích tình hình tài chính nói chung và thực trạng sử dụng đòn bẩy tại công ty nói riêng, em xin phép được đề xuất ra một số biện pháp sau:

Biện pháp 1 : Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm

- *Cơ sở thực hiện biện pháp :*

Từ việc phân tích thực trạng sử dụng đòn bẩy của công ty năm 2010 đã chỉ ra rằng muốn Đòn bẩy hoạt động (DOL) khuếch đại hơn nữa tác dụng của nó, cũng như duy trì hiệu quả mà Đòn bẩy tổng hợp (DTL) mang lại, Công ty cần phải có những biện pháp nhằm làm tăng doanh thu thông qua việc tăng sản lượng bán ra.

Thêm nữa, do lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của công ty mang tính đặc thù cao. Sản phẩm của công ty là sản phẩm thiết yếu, thời gian sử dụng lâu, do đó điểm bão hòa thấp. Đặc biệt, sản phẩm này còn mang tính nhạy cảm cao và phụ thuộc chặt chẽ vào thời tiết.

Từ kết luận như vậy, em xin đề xuất biện pháp : Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- *Biện pháp thực hiện :*

➤ Thứ nhất là tập trung khai thác thị trường tiềm năng.

Năm 2010, công ty đã tiến hành khảo sát và thâm nhập thị trường tiêu thụ đệm mút tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Điện Biên và một số tỉnh miền Trung. Đây là thị trường mới và là một thị trường tiềm năng của doanh nghiệp, do đặc điểm thời tiết đặc biệt (lạnh hơn vào mùa đông so với các khu vực khác), thêm vào đó, theo kết quả khảo sát thị trường tại các tỉnh này thì việc phân phối và bán các sản phẩm đệm còn khá lẻ tẻ và ít chủng loại sản phẩm.

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

➤ Thứ hai là tiến hành tìm kiếm và kí kết hợp đồng xuất khẩu.

Công ty nên xem xét việc mở rộng tiêu thụ sản phẩm sang thị trường nước ngoài song song với việc tập trung khai thác thị trường trong nước. Theo thông tin từ phòng kinh doanh, thì sang năm 2011, công ty đã đưa một vài sản phẩm tiêu biểu sang Lào và Philippin để tham dự hội chợ triển lãm các sản phẩm làm từ mút xốp. Đây là một cơ hội tốt để công ty giới thiệu sản phẩm của mình và tìm kiếm thêm bạn hàng mới.

• *Dự kiến kết quả đạt được :*

Theo báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010, thì doanh thu từ thị trường mới chiếm tỷ trọng 23% trong tổng doanh thu. Chính vì vậy, sau khi thực hiện biện pháp, doanh thu của công ty kì vọng sẽ tăng lên 30% so với năm 2010, tức là sẽ tăng lên: $61.197.658.568 * 30\% = 18.385.297.570$ đồng.

Sau khi tính toán các chỉ tiêu, lợi nhuận ròng kì vọng sẽ tăng lên khoảng 25%, tức là : $6.351.881.402 * 25\% = 1.587.970.350$ đồng.

Bảng 3.2.1 : Bảng so sánh các chỉ số ROA, ROE sau khi thực hiện biện pháp

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Trước khi thực hiện biện pháp	Sau khi thực hiện biện pháp	Chênh lệch
Lợi nhuận ròng	6.351.881.401	7.939.851.751	1.587.970.350
Tổng tài sản	200.451.046.737	200.451.046.737	0
Vốn chủ sở hữu	147.253.934.279	147.253.934.279	0
ROA	3,17	3,96	0,79
ROE	4,31	5,39	1,08

Giả sử Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu không đổi, khi lợi nhuận ròng tăng lên 1.587.970.350 đồng sẽ khiến cho ROA tăng lên 0,79 lần và ROE tăng lên 1,08 lần. Sự tăng lên của chỉ tiêu ROE sẽ khiến cho các nhà đầu tư thêm tin tưởng và tăng lượng vốn đầu tư vào công ty.

Biện pháp 2 : Giảm các khoản phải thu ngắn hạn

- *Cơ sở thực hiện biện pháp :*

Như đã phân tích ở trên, Các khoản phải thu này có tác động không nhỏ tới tình hình tài chính của công ty. Nó không chỉ làm cho các chi phí tài chính của công ty tăng lên mà nhiều khoản nợ của khách hàng lâu ngày sẽ trở thành các khoản nợ khó đòi thậm chí nó trở thành khoản chiếm dụng vốn vĩnh viễn của công ty hoặc gây khó khăn về mặt tài chính của công ty.

Ta thấy các khoản phải thu của công ty trong năm 2010 tăng lên tương đối cao, 17.996.564.750 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 69,10%. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp đang bị chiếm dụng vốn, điều này về lâu về dài sẽ có tác động không nhỏ về mặt tài chính đối với công ty, gây khó khăn trong công tác thanh toán, nguồn vốn của công ty bị ứ đọng, thời gian quay vòng vốn chậm, sẽ không có vốn để công ty đầu tư vào các cơ hội kinh doanh khác.

- *Biện pháp thực hiện :*

Ta thấy, trong các khoản phải thu ngắn hạn thì phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn. Chính vì vậy, em xin đề xuất biện pháp thực hiện chiết khấu thanh toán đối với từng loại khách hàng để khuyến khích khách hàng trả tiền ngay hoặc trả trong thời gian sớm nhất.

Bảng 3.2.1 : Xác định nhóm khách hàng chiết khấu

Nhóm khách hàng	Thời gian trả	Tỷ trọng
Loại I	Trả ngay	65%
Loại II	0 - 3 tháng	20%
Loại III	3 – 5 tháng	7%
Loại IV	>5 tháng	3 %

(Nguồn : Phòng kinh doanh)

Theo bảng trên ta thấy, nếu công ty thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán áp dụng cho các nhóm khách hàng, sẽ khuyến khích được khách hàng trả tiền ngay hoặc trả tiền trong thời gian sớm nhất, như vậy các khoản phải thu sẽ giảm đi đáng kể, lượng tiền mặt sẽ tăng lên, giúp cho công ty thực hiện tốt hơn

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

công tác thanh toán ngay hoặc thực hiện đầu tư những cơ hội kinh doanh đòi hỏi phải đầu tư bằng tiền mặt ngay.

Sau đây là Bảng chiết khấu đề xuất :

Bảng 3.2.1 : Bảng kê chiết khấu đề xuất

Nhóm khách hàng	Thời gian thanh toán	Tỉ lệ % chiết khấu
Loại I	Trả ngay	3,5%
Loại II	0 – 3 tháng	1 %

Sau khi thực hiện chiết khấu thanh toán, kỳ vọng sẽ thu hồi được khoảng 40% các khoản phải thu ngắn hạn.

Vậy các khoản phải thu dự tính thu hồi được sẽ là :

$$44.040.811.262 * 40\% = 17.616.324.505 \text{ đồng.}$$

Bảng 3.2.2 : Đánh giá kết quả đạt được khi thực hiện chính sách chiết khấu

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Trước khi thực hiện	Sau khi thực hiện
Chỉ tiêu kết quả			
Doanh thu thuần	Đồng	60.244.391.829	60.244.391.829
Các khoản phải thu	Đồng	44.040.811.262	26.424.486.757
Khoản phải thu bình quân	Đồng	35.042.528.887	23.541.670.075
Các hệ số			
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	1,72	2,56
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	210	141

Để tăng hiệu quả của biện pháp trên Công ty cần thực hiện đồng thời các việc sau:

- Trước khi quyết định cho nợ thì Công ty nên điều tra khả năng thanh toán của khách hàng. Khi khả năng thanh toán quá thấp thì Công ty sẽ không

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG

đồng ý cho nợ, hoặc phải có bảo lãnh để tránh nợ khó đòi.

- Công ty cần quản lý chặt chẽ công nợ của khách hàng, đưa ra mức công nợ tối đa cho mỗi đối tượng, không để công nợ quá nhiều.

- Thực hiện chính sách tăng % hoa hồng cho các đại lí (nếu bán hàng qua các đại lí trung gian). Đồng thời ấn định % được phép nợ và nếu muốn lấy hàng mới thì phải thanh toán hết tiền hàng cũ.

- Công ty nên xem xét và cân nhắc việc chia khu vực để mở thêm các đại lí bán hàng trực tiếp (đại lí cấp 1), vì như vậy sẽ giảm thiểu được chi phí hàng tồn kho tồn đọng tại các đại lí, điều này sẽ giúp giảm đáng kể nợ phải thu.

KẾT LUẬN

Tài chính là một lĩnh vực rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Hoạt động tài chính gắn liền với tất cả các khâu của quá trình kinh doanh từ huy động vốn cho tới khi phân phối lợi nhuận. Hơn thế nữa, thông qua nó, người ta có thể giải quyết các mối quan hệ phát sinh cũng như đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị trong kỳ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty đã giúp em thu được những kiến thức thực tế về tình hình tài chính của công ty nói chung và thực trạng sử dụng đòn bẩy nói riêng. Đó là nhờ sự giúp đỡ tận tình của Cô Nguyễn Thị Ngọc Mỹ, Cô Nguyễn Thị Diệp và các cô, chú, anh, chị phòng Tài chính kế toán, Phòng kinh doanh của Công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng. Tài chính là một vấn đề rất rộng lớn và việc phân tích tìm hiểu công tác sử dụng đòn bẩy cần phải có nhiều thời gian và kiến thức, hơn nữa do những hạn chế nhất định về thời gian và trình độ nên đề tài nghiên cứu khoa học này của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong sự chỉ bảo của các thầy cô và ý kiến đóng góp của các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hp, Ngày ..4..Tháng ..7...Năm .. 2011...

Sinh Viên

Phạm Thị Huyền

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “ Tài chính doanh nghiệp”- PGS.TS Ngô Thế Chi, TS Vũ Công Ty- NXB Thống Kê 2001.
2. Trang web : [www.http:// Fetd.edu.vn](http://Fetd.edu.vn)
3. ‘Tài chính doanh nghiệp hiện đại’- chủ biên PGS.TS Trần Ngọc Thơ- Trường Đại học Kinh Tế TP HCM- NXB Thống Kê năm 2005.
4. Lý thuyết TC-TT, Nguyễn Ngọc Hùng, 1998
5. Một số tài liệu do Công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng cung cấp.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu của đề tài.	2
3. Phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp và thiết bị nghiên cứu.....	3
6. Thời gian nghiên cứu của đề tài	3
7. Kết cấu đề tài.....	4
CHƯƠNG I : LÍ LUẬN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐÒN BẢY TẠI DOANH NGHIỆP	5
1.1 Đòn bẩy hoạt động	5
1.1.1. Khái niệm chung về đòn bẩy hoạt động sử dụng trong doanh nghiệp.....	5
1.1.2 Đòn bẩy hoạt động và các chỉ số.....	6
1.1.2.1. Độ bẩy hoạt động	6
1.1.2.2. Quan hệ giữa độ bẩy hoạt động và rủi ro doanh nghiệp	7
1.1.3. Vai trò của đòn bẩy hoạt động đối với doanh nghiệp	7
1.1.3.1. Vai trò.....	7
1.1.3.2 Ý nghĩa của độ bẩy hoạt động đối với quản trị tài chính.....	8
1.2. Đòn bẩy tài chính	8
1.2.1. Khái niệm chung về đòn bẩy tài chính sử dụng trong doanh nghiệp.....	8
1.2.2. Đòn bẩy tài chính và các chỉ số.....	10
1.2.2.1.Các hệ số đặc trưng của đòn bẩy tài chính:.....	10
1.2.2.2. Khái niệm độ bẩy tài chính và công thức tính	12
1.2.2.3. Phân tích quan hệ EBIT và EPS.....	13
1.2.3.Vai trò của đòn bẩy tài chính đối với doanh nghiệp	18
1.3.Đòn bẩy tổng hợp.....	21
1.3.1. Khái niệm chung về đòn bẩy tổng hợp sử dụng trong doanh nghiệp	21
1.3.2 Độ bẩy tổng hợp	21
1.3.3 Vai trò của đòn bẩy tổng hợp đối với doanh nghiệp.....	22

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐÒN BẨY TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG	23
2.1. Khái quát về Công ty TNHH SX & KD Mút xốp Việt Thắng	23
2.1.1. Đôi nét chung về công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng.	23
2.1.2. Lĩnh vực Kinh Doanh chủ yếu	24
2.1.3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu nhân sự	26
2.1.3.1. Mô hình cơ cấu tổ chức quản lí	26
2.1.3.2. Cơ cấu nhân sự	30
2.1.4. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.	32
2.1.5. Những thuận lợi và khó khăn của công ty.	33
2.2. Thực trạng sử dụng đòn bẩy tài tại công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng	34
2.2.1. Phân tích khái quát tình hình tài chính tại công ty	34
2.2.1.1. Phân tích tình hình tài chính qua bảng Cân đối kế toán	34
2.2.1.2. Phân tích tình hình tài chính qua Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.	43
2.2.3. Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán	47
2.2.2. Thực trạng sử dụng đòn bẩy tại công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng	50
2.2.2.1 Phân tích các tỷ số đòn bẩy tài chính.	50
2.2.2.2. Độ bẩy tài chính (DFL)	53
2.2.2.3. Đòn bẩy hoạt động (DOL)	54
2.2.2.4 Đòn bẩy tổng hợp (DTL)	55
CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XỐP VIỆT THẮNG	57
3.1 : Phương hướng phát triển kinh doanh của công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng	57
3.2. Một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính tại công ty TNHH SX & KD Mút Xốp Việt Thắng.	57
KẾT LUẬN	63